

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý
Đối với Dự thảo Luật Phát triển công nghiệp văn hóa

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến đối với dự án Luật Phát triển công nghiệp văn hóa.

Ngày 05/8/2026, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã gửi văn bản xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, chuyên gia.

Đến ngày 28/8/2026, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã nhận được ý kiến góp ý như sau:

+ 14/16 ý kiến góp ý của bộ, ngành, bao gồm: Ngân hàng Nhà nước; Thanh tra Chính phủ; Các bộ: Dân tộc và Tôn giáo; Xây dựng; Quốc phòng; Khoa học và Công nghệ; Công Thương; Nông nghiệp và Môi trường; Nội vụ; Ngoại giao; Y tế; Công an; Giáo dục và Đào tạo; Tài chính.

+ 24/34 ý kiến góp ý của địa phương (*tại Phụ lục 1 gửi kèm Bảng tổng hợp*), trong đó:

Số địa phương nhất trí: 11/34, bao gồm: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh: Tây Ninh, Điện Biên, Phú Thọ, Sơn La, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Thái Nguyên, Cà Mau, Lâm Đồng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Cần Thơ, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh An Giang.

Số địa phương có ý kiến khác: 13/34, bao gồm: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh: Tuyên Quang, Nghệ An, Bắc Ninh, Đồng Tháp, Lai Châu, Khánh Hoà, Cao Bằng, Quảng Trị, Thanh Hoá, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Hải Phòng, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội.

+ 07 ý kiến góp ý của doanh nghiệp (*tại Phụ lục 2 gửi kèm Bảng tổng hợp*), bao gồm: Tập đoàn FPT; Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel); Tổng công ty Viễn thông MobiFone; Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT); Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quỹ Khởi nghiệp Sáng tạo Việt Nam (VNFUND); Công ty TNHH Mark Dealer Platform; Tập đoàn Công nghệ Bkav (thuộc Liên minh các công ty công nghệ Việt Nam).

+ 02 ý kiến góp ý của hội, hiệp hội (*tại Phụ lục 2 gửi kèm Bảng tổng hợp*), bao gồm: Hiệp hội Quảng cáo Việt Nam; Hội Truyền thông số Việt Nam.

+ 09 ý kiến góp ý của chuyên gia (*tại Phụ lục 3 gửi kèm Bảng tổng hợp*), bao gồm: PGS.TS. Bùi Hoài Sơn (Đại biểu Quốc hội khóa XIV; Ủy viên chuyên trách Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội; Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương); TS. Ngô Phương Lan (Chủ tịch Hiệp hội Xúc tiến phát triển Điện ảnh Việt Nam); Bà Nguyễn Thị Hạnh (Cục trưởng Cục Pháp luật hình sự - hành chính và Quản lý xử lý vi

phạm hành chính, Bộ Tư pháp); Bà Trần Thị Quốc Hiền (Vụ trưởng Vụ Kinh tế và Xã hội số, Bộ Khoa học và Công nghệ); Ông Trần Mạnh Hùng (Công ty Luật TNHH Quốc tế BMVN); TS. Hoàng Thị Hồng (Phó Vụ trưởng Vụ Các định chế tài chính, Bộ Tài chính); TS Vũ Ngọc Côn (Nguyên Giám đốc phụ trách các công trình hạ tầng kỹ thuật TP. New York, Hoa Kỳ); Bà Nguyễn Thị Đức Hạnh (Tư vấn cao cấp, Công ty TNHH Vriens & Partners Việt Nam); Luật sư Nguyễn Hưng Quang.

+ 42 ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (tại Phụ lục 4 gửi kèm Bảng tổng hợp).

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Tờ trình	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	I. VỀ DỰ THẢO TỜ TRÌNH Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 28/7/2026 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển yêu cầu: “Bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể, các giá trị văn hoá đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện nếp sống văn hoá mới, xoá bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu”. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam xác định: “Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền, thành thị và nông thôn, miền núi và miền xuôi; quan tâm phát triển vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế”. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác dân tộc xác định: “Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội; thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam”. Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị	Tiếp thu bổ sung Nghị quyết 18, 19 tại phần cuối của cơ sở chính trị cùng với Nghị quyết 27, 66

		quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới cũng xác định: “Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số. Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh vùng dân tộc miền núi phải toàn diện, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và phát huy lợi thế, tiềm năng của vùng và tinh thần tự lực của đồng bào dân tộc thiểu số”. Tuy nhiên, hồ sơ dự án Luật, nhất là Tờ trình chưa thuyết minh cụ thể việc thể chế hóa chính sách đặc thù cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chưa có cơ chế bảo vệ quyền của cộng đồng dân tộc thiểu số đối với di sản văn hóa.... Đề nghị bổ sung các văn bản trên vào phần căn cứ chính trị của Tờ trình; nghiên cứu, thể chế hóa thành điều khoản cụ thể trong dự án Luật.	
Tờ trình	Bộ Khoa học và công nghệ	- Tại điểm b.1.I dự thảo Tờ trình có nội dung “Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định tại khoản 2 Điều 26 như sau “<i>Trường hợp cần ban hành luật, nghị quyết ngay tại kỳ họp Quốc hội đang diễn ra hoặc kỳ họp gần nhất để giải quyết ngay vấn đề cấp bách, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn mà nội dung đề xuất chưa có trong Chương trình lập pháp hằng năm thì cơ quan trình áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn để xây dựng dự án; gửi hồ sơ dự án để Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thẩm tra, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến đồng thời quyết định việc bổ sung vào dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội để trình Quốc hội xem xét, thông qua</i>”. Tuy nhiên, đây là nội dung nhắc lại quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khẳng định rõ trong dự thảo Tờ trình dự án Luật Phát triển công nghiệp văn hóa được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn và đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15.	Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo Tờ trình

Tờ trình	Bộ Y tế	Tại mục 3.7 Phần IV dự thảo Tờ trình nêu: “Dự thảo Luật không quy định các thủ tục hành chính, việc quy định chi tiết giao Chính phủ quy định”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý nội dung này để phản ánh đầy đủ, chính xác các thủ tục hành chính phát sinh từ dự thảo Luật; đồng thời rà soát việc đánh giá tác động thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Lý do: Dự thảo Luật hiện nay có các quy định xác lập hoặc làm phát sinh thủ tục hành chính như: đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát tại Điều 12; công nhận tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa tại Điều 24; đăng ký sử dụng không gian công cộng tại Điều 27; hồ sơ, trình tự công nhận, thu hồi thương hiệu công nghiệp văn hóa quốc gia tại khoản 3 Điều 33; trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư nước ngoài ưu tiên thu hút trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa tại khoản 4 Điều 46. Việc giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục không đồng nghĩa với việc dự thảo Luật không làm phát sinh thủ tục hành chính. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung tại Tờ trình và việc đánh giá tác động thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và các quy định có liên quan.	Tiếp thu và soát đầy đủ thể hiện đúng nội dung của dự thảo Luật; bổ sung tại Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Dự án Luật Phát triển công nghiệp văn hóa.
Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 11, Điều 12, Chương III, Điều 13, Điều 15, Điều 17, Chương IV, Chương V, Điều 29, Điều 30, Điều 35,	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	II. VỀ DỰ THẢO LUẬT 1. Tại Điều 3 - Tại khoản 1: Đề nghị sửa cụm từ “bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc” thành “bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá của các dân tộc” cho đầy đủ. - Tại khoản 2: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung về “Thủ công truyền thống và di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số”; bổ sung ngành “Âm thực văn hóa” để thể chế hóa đầy đủ yêu cầu “Phát triển mạnh công nghiệp văn hoá, kinh tế sáng tạo; phát triển du lịch văn hoá, ẩm thực, thủ công mỹ nghệ” tại Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026.	1. Điều 3: Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Luật - Khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật đang quy định 10 ngành CNVH theo Quyết định số 1468, đồng thời quy định “ngành khác đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều này”. Như vậy, trường hợp các ngành theo đề xuất của Bộ bảo đảm đáp ứng yêu cầu được coi là ngành CNVH, đồng thời cũng bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương tại Nghị quyết số 80.

Điều 36, Điều 37, Chương VII, Điều 53		- Tại khoản 19: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung “cộng đồng”, nhất là cộng đồng dân tộc thiểu số vào chủ thể sáng tạo; bổ sung điều khoản về quyền tập thể của cộng đồng dân tộc thiểu số đối với tri thức truyền thống và biểu đạt văn hóa truyền thống cho phù hợp với tinh thần “Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội luật hóa các điều ước quốc tế về quyền con người Việt Nam đã tham gia” tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 2. Tại Điều 4 Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 thì Luật này điều chỉnh nhiều nội dung liên quan đến các Luật chuyên ngành khác có liên quan như: Điện ảnh; Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; Nghệ thuật biểu diễn; Phần mềm và các trò chơi giải trí; Quảng cáo; Thủ công mỹ nghệ; Du lịch văn hóa; Thiết kế sáng tạo; Truyền hình và phát thanh; Xuất bản... Tuy nhiên, Điều 4 dự thảo Luật quy định nguyên tắc ưu tiên áp dụng quy định của Luật này trong trường hợp Luật này có quy định về cơ chế, chính sách khác với luật, nghị quyết khác của Quốc hội về cùng một vấn đề. Đề nghị rà soát nội dung tại Điều 4 đảm bảo phù hợp với nguyên tắc nêu tại Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị: “Nguyên tắc áp dụng pháp luật trong trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề theo hướng ưu tiên áp dụng quy phạm pháp luật chuyên ngành so với quy phạm pháp luật chung”. 3. Tại Điều 5 - Tại khoản 3: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung việc bảo đảm an ninh văn hóa đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới, hải đảo; phòng ngừa âm mưu lợi dụng hoạt động công nghiệp văn hóa để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm thể chế hóa đầy đủ nội dung “Tăng cường bảo đảm an ninh tôn giáo, an ninh dân tộc, an ninh cơ sở theo phương châm 'bốn tại chỗ'. Tiếp tục triển khai các đề án, kế hoạch phòng, chống phản động, kích động ly khai, tự trị; giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp, khiếu kiện” nêu tại Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 28/7/2026.	- Tiếp thu bổ sung cụm từ “cộng đồng” sau cụm từ “nhóm người”. Cộng đồng không phân biệt có thể hiểu là tất cả các dân tộc đang sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. 2. Tiếp thu lược bỏ Điều 4 dự thảo Luật Điều 5: Tiếp thu và bổ sung tại khoản 5 Điều 5 dự thảo Luật “<i>huy động sự tham gia rộng rãi của cộng đồng cùng sáng tạo, cùng thụ hưởng các giá trị kinh tế, văn hoá xã hội</i>”
--	--	--	---

		- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nguyên tắc về bảo đảm quyền của cộng đồng, đặc biệt là cộng đồng dân tộc thiểu số đối với di sản văn hóa của mình; thực hiện cơ chế tham vấn cộng đồng và chia sẻ lợi ích công bằng, minh bạch khi khai thác thương mại các yếu tố văn hóa có nguồn gốc từ cộng đồng dân tộc thiểu số bảo đảm thể chế hóa đầy đủ Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 và tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Công ước CERD). 4. Tại Điều 6 - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung “Nhà nước có chính sách đặc thù ưu tiên phát triển công nghiệp văn hóa tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bao gồm: (i) Ưu tiên nguồn lực đầu tư hạ tầng công nghiệp văn hóa; (ii) Hỗ trợ cộng đồng dân tộc thiểu số bảo tồn, phát huy giá trị và khai thác thương mại di sản văn hóa của mình theo cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng; (iii) Đào tạo nhân lực công nghiệp văn hóa người dân tộc thiểu số; (iv) Hỗ trợ tiếp cận thị trường cho sản phẩm công nghiệp văn hóa có nguồn gốc từ cộng đồng dân tộc thiểu số; (v) Phát triển hạ tầng số, bộ công cụ sáng tạo đa ngôn ngữ phù hợp với đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” để thể chế hóa đầy đủ chủ trương, chính sách tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003, Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019, Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 28/7/2026, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung “Nhà nước tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận tham gia phát triển công nghiệp văn hóa, đặc biệt trong các lĩnh vực du lịch văn hóa tâm linh, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, nghệ thuật tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo” nhằm thể chế hóa chủ trương “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo” nêu tại Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003. 5. Tại Điều 8 Đề nghị nghiên cứu, bổ sung hành vi bị nghiêm cấm “Khai thác thương mại yếu tố văn hóa có nguồn gốc từ cộng đồng dân tộc thiểu số mà không có sự tham vấn và đồng ý của cộng đồng; không thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích theo quy định của pháp luật” nhằm thể chế hóa chủ trương “Nội luật hóa các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt	<i>Tiếp thu bổ sung tại Điều 2 khoản 5, bảo đảm sự tham gia của cộng đồng, trong đó bao gồm cộng đồng người dân tộc thiểu số,</i> <i>Điều 6: Các chính sách tại Điều 6 không phân biệt là hỗ trợ, ưu tiên cho bất kỳ đối tượng riêng biệt do vậy được hiểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số hay các dân tộc thiểu số đều là đối tượng thụ hưởng chính sách, do vậy không nhất thiết phải phân biệt đối tượng riêng là các dân tộc thiểu số, hay tổ chức tôn giáo đã được công nhận.</i> <i>Đối tượng áp dụng của dự thảo Luật không hạn chế đối tượng là cá nhân, tổ chức trong nước hoặc nước ngoài, do vậy các tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận cũng thuộc đối tượng điều chỉnh của dự thảo Luật nên là đối tượng được hưởng các chính sách ưu đãi phù hợp.</i> <i>Điều 8: Tiếp thu theo hướng quy định chung không chỉ riêng đối với cộng đồng dân tộc thiểu số.</i> <i>Khoản 2 Điều 11 Nhà nước đầu tư hoặc đặt hàng....trong các ngành công nghiệp</i>
--	--	--	--

		Nam đã tham gia” nêu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 và tương thích với Công ước CERD. 6. Tại Điều 11 Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung “Nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng phiên bản đa ngôn ngữ (tiếng dân tộc thiểu số) của bộ công cụ sáng tạo; ưu tiên đầu tư hạ tầng kết nối internet, hạ tầng số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” để bảo đảm khả năng tiếp cận thực chất của đồng bào dân tộc thiểu số nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương “Xây dựng hệ thống an sinh xã hội hiện đại, đa tầng, bền vững, bao trùm, linh hoạt và thích ứng cao... Bảo đảm không để ai bị bỏ lại phía sau” nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026. 7. Tại Điều 12 Tại điểm d khoản 2: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định “Không xâm phạm quyền tập thể của cộng đồng dân tộc thiểu số đối với tri thức truyền thống và di sản văn hóa phi vật thể theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên” đảm bảo phù hợp với chủ trương tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 28/7/2026 đã nêu ở trên. 8. Tại Chương III Đề nghị nghiên cứu, bổ sung vào Chương III một Mục riêng về “Bảo vệ, khai thác tri thức truyền thống và biểu đạt văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số”, gồm một số nội dung chủ yếu như: định nghĩa và phạm vi bảo vệ; cơ chế tham vấn cộng đồng; cơ chế chia sẻ lợi ích; hệ thống đăng ký nhận diện; xử lý vi phạm (nếu có) nhằm khai thác hoa văn thổ cẩm, âm nhạc dân gian, nghi lễ dân tộc thiểu số... để thương mại hóa và có cơ chế chia sẻ lợi ích phù hợp.	văn hóa, điều này cũng đồng nghĩa với việc Bộ công cụ phải phù hợp với các loại đối tượng. Khoản 4 cũng quy định bảo đảm mọi tổ chức, cá nhân có cơ hội tiếp nhận.... Như vậy quy định tại dự thảo đã bảo đảm tính phổ quát. Điều 12: Tiếp thu bổ sung dự thảo Luật theo hướng chỉ quy định nguyên tắc, nội dung, yêu cầu, thời hạn không quy định chủ thể. Do vậy bất kỳ chủ thể nào cũng là đối tượng tham gia Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật, <i>các ngành công nghiệp văn hoá</i> bao gồm: Điện ảnh; Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; Nghệ thuật biểu diễn; Phần mềm và các trò chơi giải trí; Quảng cáo; Thủ công mỹ nghệ; Du lịch văn hóa; Thiết kế sáng tạo; Truyền hình và phát thanh; Xuất bản. Như vậy, tri thức truyền thống và biểu đạt văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số chưa được đưa thành ngành công nghiệp văn hóa. Nội dung “Bảo vệ, khai thác tri thức truyền thống và biểu đạt văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số” hiện đã được quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Di sản văn hóa. Đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian đã được quy định tại Điều 23 Luật Sở hữu trí tuệ (Quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật dân
--	--	---	--

		9. Tại Điều 13 Bổ sung cơ chế định danh cho di sản văn hóa phi vật thể và tri thức truyền thống cộng đồng dân tộc thiểu số; quy định tích hợp với hệ thống đăng ký sở hữu trí tuệ và hệ thống mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) để có cơ chế khai thác, sử dụng hiệu quả.	gian: truyện, thơ, câu đố; điệu hát, làn điệu âm nhạc; điệu múa, vở diễn, nghi lễ và các trò chơi; sản phẩm nghệ thuật đồ họa, hội họa, điêu khắc, nhạc cụ, hình mẫu kiến trúc và các loại hình nghệ thuật khác). Mặt khác khoản 2 Điều 23 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: Tổ chức, cá nhân khi sử dụng tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian phải dẫn chiếu xuất xứ của loại hình tác phẩm đó và bảo đảm giữ gìn giá trị đích thực của tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian. Quy định này được hiểu khi sử dụng tác phẩm nghệ thuật dân gian không phải trả tiền bản quyền (không có tính thương mại). Đối với tri thức truyền thống và biểu đạt văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số thuộc lĩnh vực di sản văn hóa đã được quy định, điều chỉnh bởi Luật Di sản văn hóa. Nghị định số 308/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn tổ chức thi hành Luật Di sản văn hóa đã quy định về phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Với các lý do trên, cơ quan soạn thảo xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. Chương II Luật Di sản văn hóa đã quy định việc bảo vệ, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể, kiểm kê, đưa vào danh mục, ghi danh cho di sản văn hóa phi vật thể (bao gồm tri thức dân gian). Do đó, khi khai thác, sử dụng có thể căn cứ vào danh mục theo pháp luật về di sản văn hóa để sử dụng. Trong thời gian tới, khi hoàn thiện hệ thống hạ tầng số về văn hóa, các chuyên
--	--	---	--

		10. Tại Điều 15 Đề nghị rà soát quy định tại khoản 1 Điều 15 để thống nhất, đồng bộ, tránh trùng lặp với quy định Luật Sở hữu trí tuệ và quy định của Bộ luật dân sự. 11. Tại Điều 17 Đề nghị nghiên cứu, bổ sung phương pháp định giá đặc thù cho di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số và yêu cầu tham vấn cộng đồng trong quá trình định giá. 12. Tại Chương IV	ngành, lĩnh vực sẽ được cập nhật, tích hợp. Do đó không cần quy định tại dự thảo Luật này, cơ quan chủ trì soạn thảo xin được giữ nguyên. Tiếp thu ý kiến góp ý, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát với Điều 105, Điều 115 Bộ luật Dân sự. Điều 105 quy định “Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản”. Điều 115 quy định “Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ...”. Kết quả rà soát cho thấy Điều 15 dự thảo Luật quy định tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hoá được sử dụng để góp vốn là phát triển thêm, cụ thể hơn, rõ nghĩa hơn mà không quy định lại các nội dung tại Bộ luật Dân sự. Vì vậy xin được giữ nguyên như dự thảo. Theo quy định tại Điều 21 Luật Giá thì việc định giá đặc thù thuộc trách nhiệm của Bộ chuyên ngành, do đó không đưa vào nội dung của dự thảo Luật. Nội dung này cơ quan chủ trì soạn thảo xin được giữ nguyên như dự thảo. Lý do: hiện nay pháp luật về giáo dục đào tạo đã cơ bản hoàn thiện chính sách đối với nhân lực người dân tộc thiểu số (Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Quyết định số 82/2005/QĐ-
--	--	--	---

Đề nghị nghiên cứu, bổ sung điều riêng về chính sách đào tạo nhân lực người dân tộc thiểu số trong công nghiệp văn hóa, gồm một số nội dung như: học bổng ưu tiên; bồi dưỡng kỹ năng số cho nghệ nhân dân tộc thiểu số; công nhận kỹ năng nghề truyền thống.... đảm bảo phù hợp với chủ trương tại Nghị quyết số 80- NQ/TW ngày 07/01/2026, Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/20197.

13. Tại Chương V

Đề nghị nghiên cứu, bổ sung 1 điều sau Điều 22 quy định về “Hạ tầng công nghiệp văn hóa đặc thù tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” đảm bảo thể chế hóa chủ trương “Xây dựng hạ tầng và kiến tạo thị trường trọng điểm cho các ngành công nghiệp văn hoá có lợi thế cạnh tranh” nêu tại Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 cho phù hợp với mô hình hoạt động văn hóa của các địa bàn này là: làng nghề truyền thống; trung tâm văn hóa cộng đồng; không gian sáng tạo gắn với du lịch cộng đồng.

14. Tại Điều 29

Đề nghị rà soát quy định tại khoản 3 điều này đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu di sản văn hóa quốc gia theo quy định của Luật Di sản văn hóa và hạ tầng số quốc gia theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số và phù hợp với chủ trương “Xây dựng Chính phủ số, dữ liệu dùng chung và nền tảng số theo dõi thực hiện nghị quyết, chiến lược, quy hoạch, đầu tư công và các chỉ tiêu phát triển” nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026. Trường hợp cần quy định thì

TTg về chế độ ưu đãi đối với học sinh, sinh viên các bộ môn nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các trường văn hóa - nghệ thuật...). Việc bồi dưỡng kỹ năng số cho nghệ nhân dân tộc thiểu số được thực hiện theo các đề án chuyển đổi số...

13. Tại Chương V

Cơ quan chủ trì xin được giữ nguyên như dự thảo bởi lẽ “hạ tầng công nghiệp văn hóa đặc thù tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” sẽ là 01 bộ phận của hạ tầng văn hóa, hạ tầng công nghiệp văn hóa

14. Tại Điều 29

Khoản 3 Điều 29 dự thảo Luật quy định “3. Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia chứa dữ liệu văn hoá số tồn tại dưới nhiều định dạng khác nhau; không thay thế cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”. Điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định “a) Cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số được kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu bộ, ngành, địa phương để cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin, phục vụ quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số theo quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan;”.

		nghiên cứu, bổ sung nội dung “Nhà nước ưu tiên đầu tư hạ tầng văn hóa số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xây dựng kho dữ liệu văn hóa số đa ngôn ngữ các dân tộc thiểu số; hỗ trợ số hóa di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng dân tộc thiểu số”.	Khoản 1 Điều 86 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP quy định “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa nhằm lưu trữ, quản lý, bảo vệ, khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa trên môi trường điện tử, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm tuân thủ quy định quản lý về cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, dữ liệu, giao dịch điện tử”. Như vậy, về cơ bản quy định về cơ sở dữ liệu giữa các văn bản luật không chồng chéo, do đó cơ quan chủ trì soạn thảo xin được giữ nguyên như dự thảo.
		15. Tại Điều 30 Đề nghị nghiên cứu, quy định rõ bản sắc văn hóa Việt Nam bao gồm bản sắc của 54 dân tộc và tiêu chí đánh giá phải có thành phần riêng về hàm lượng văn hóa các dân tộc thiểu số với trọng số phù hợp để cụ thể hóa quy định tại khoản 3 Điều 5 Hiến pháp.	15. Tại Điều 30 Trong Dự thảo Luật, “bản sắc Việt Nam” được hiểu là bản sắc văn hoá của toàn bộ các dân tộc đa số và thiểu số Việt Nam. Theo tiếp cận này, tiêu chí đánh giá khi được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết sau khi Luật được ban hành cũng cần đảm bảo tuân thủ tiêu chí về về hàm lượng bản sắc văn hoá của cộng đồng dân tộc thiểu số và đa số. 16. Tại Điều 35 Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, lý do: khoản 3 Điều 35 quy định về trách nhiệm của tổ chức vận hành sàn giao dịch. Nội dung đề xuất là nội dung giao dịch, không thuộc phạm trù của khoản này. 17. Tại Điều 36 Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì hiện nay pháp luật chuyên ngành về điện ảnh,

		16. Tại Điều 35 Đề nghị nghiên cứu, bổ sung vào khoản 3 quy định “khi giao dịch tài sản trí tuệ có nguồn gốc từ di sản văn hóa cộng đồng dân tộc thiểu số, tổ chức vận hành sản phẩm thực hiện cơ chế xác minh nguồn gốc và chia sẻ lợi ích với cộng đồng”. 17. Tại Điều 36 Đề nghị nghiên cứu, bổ sung đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách hỗ trợ tiêu dùng sản phẩm công nghiệp văn hóa. Đồng thời, bổ sung phương thức tiếp cận thay thế không phụ thuộc hoàn toàn vào thiết bị số, ưu tiên sản phẩm văn hóa tại chỗ như du lịch cộng đồng, biểu diễn nghệ thuật dân tộc...cho phù hợp với chủ trương “Quan tâm địa bàn vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế” nêu tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 28/7/2026. 18. Tại Điều 37 Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về ưu tiên hỗ trợ xuất khẩu sản phẩm thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật biểu diễn và ẩm thực có nguồn gốc từ cộng đồng dân tộc thiểu số. Đây là những sản phẩm văn hóa mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh quốc tế nhưng hiện nay cộng đồng dân tộc thiểu số thiếu năng lực thị trường. 19. Tại Chương VII - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung vào Điều 38 quy định ưu tiên phân bổ nguồn tài chính cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. - Đề nghị rà soát quy định tại Điều 41 để thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. - Đề nghị bổ sung các quy định hỗ trợ đặc thù cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân tộc thiểu số; bảo lãnh tín dụng; hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, kết nối thị trường cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. 20. Tại Điều 53	nghệ thuật biểu diễn, dịch vụ sự nghiệp công, dân tộc, thư viện... đều đã quy định chính sách ưu đãi với đồng bào dân tộc thiểu số. 18. Tại Điều 37 Các sản phẩm công nghiệp văn hóa bảo gồm toàn bộ sản phẩm, dịch vụ do chủ thể sáng tạo và thực hiện không phân biệt chủ thể, có ưu tiên cho các tài sản trí tuệ gốc trọng điểm và sản phẩm công nghiệp văn hóa trọng điểm. 19. Tại Chương VII Dự thảo đang quy định chung cho tất cả đối tượng không quy định ưu đãi địa bàn, đối tượng mà tập trung vào sản phẩm công nghiệp văn hóa. 20. Tại Điều 53 Tiếp thu rà soát các nội dung về quản lý nhà nước, các cơ quan, đơn vị thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ không quy định cụ thể tại Luật này.
--	--	---	--

		Đề nghị nghiên cứu, bổ sung trách nhiệm của Bộ Dân tộc và Tôn giáo trong việc chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành liên quan: (i) Xây dựng chính sách đặc thù phát triển công nghiệp văn hóa tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (ii) Bảo vệ quyền của cộng đồng dân tộc thiểu số đối với di sản văn hóa và tri thức truyền thống; (iii) Phối hợp quản lý hoạt động của tổ chức tôn giáo trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa theo quy định pháp luật; (iv) Thực hiện các cam kết quốc tế về quyền văn hóa của người dân tộc thiểu số và tự do tôn giáo”. 21. Về ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày văn bản và tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật Đề nghị rà soát quy định rõ tên chương, điều, số điều... đảm bảo phù hợp với ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật. Đồng thời, rà soát toàn bộ nội dung của dự thảo Luật đảm bảo thống nhất, đồng bộ, không trùng lặp với quy định của các Luật khác như: Luật Di sản văn hóa, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Đầu tư, Luật Điện ảnh, Luật Du lịch, Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Xuất bản, Luật Quảng cáo, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo....	21. Về kỹ thuật soạn thảo Đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa dự thảo Luật
Điều 5	Bộ Quốc phòng	Nghiên cứu Công văn số 4828/BVHTTDL-PC ngày 03/8/2026 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đề nghị tham gia ý kiến đối với Hồ sơ dự án Luật phát triển công nghiệp văn hoá (kèm theo văn bản liên quan); Bộ Quốc phòng cơ bản thống nhất và có ý kiến như sau: Tại Điều 5 dự thảo Luật, đề nghị bổ sung nguyên tắc không ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh. Lý do: Các nội dung liên quan đến cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Điều 12), hạ tầng công nghiệp văn hoá (Chương V) tác động trực tiếp đến bảo vệ dữ liệu, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, công trình quốc phòng và khu quân sự	Tiếp thu, bổ sung nguyên tắc này tại Điều 5 dự thảo Luật
Điều 3, Điều 4, Điều 6, Chương V, Điều 22, Điều	Bộ Xây dựng	I. Ý KIẾN CHUNG Bộ Xây dựng thống nhất về sự cần thiết xây dựng cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp văn hóa, tạo điều kiện cho hoạt động sáng tạo, sản xuất, phân phối sản phẩm văn hóa và huy động nguồn lực đầu tư cơ sở	Rà soát, nghiên cứu tại các điều khoản cụ thể

23, Điều 24, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Chương VII, Điều 49, Điều 52, khoản 8 Điều 53, Điều 54, Điều 55		vật chất, không gian sáng tạo. Tuy nhiên, dự thảo đang quy định nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến quy hoạch, đất đai, đầu tư, đầu tư công, đầu thầu, xây dựng, quản lý tài sản công, nhà ở, hạ tầng kỹ thuật và không gian công cộng; đồng thời hình thành các khái niệm, loại hình và trình tự riêng nhưng chưa làm rõ địa vị pháp lý và quan hệ với pháp luật chuyên ngành. Đề nghị chỉnh lý dự thảo theo nguyên tắc: Luật Phát triển công nghiệp văn hóa quy định chính sách phát triển ngành, tiêu chí thụ hưởng và cơ chế hỗ trợ; các nội dung về quy hoạch, đất đai, đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình và tài sản công thực hiện theo pháp luật chuyên ngành. Việc công nhận công trình, tổ hợp hoặc khu vực phục vụ công nghiệp văn hóa không thay thế thủ tục về quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng; không làm thay đổi mục đích sử dụng đất, công năng, loại và cấp công trình; không được sử dụng để hợp thức hóa vi phạm. Dự thảo cần kiểm soát chặt chính sách ưu đãi, tránh áp dụng dàn trải theo tên gọi hoặc địa điểm được công nhận, làm phát sinh chênh lệch địa tô và nguy cơ lợi dụng danh nghĩa công nghiệp văn hóa để phát triển dự án bất động sản, thương mại, dịch vụ. Chính sách hỗ trợ phải xác định rõ đối tượng, điều kiện, thời hạn, kết quả đầu ra, cơ chế hậu kiểm, thu hồi và hoàn trả ưu đãi. II. Ý KIẾN CỤ THỂ 1. Về giải thích từ ngữ tại Điều 3 Các khái niệm “hạ tầng công nghiệp văn hóa”, “cơ sở vật chất công nghiệp văn hóa”, “công trình công nghiệp văn hóa”, “tổ hợp sáng tạo văn hóa”, “cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa” và “không gian sáng tạo văn hóa” còn giao thoa, khó xác định tiêu chí, thẩm quyền công nhận và chính sách áp dụng. Đề nghị thu gọn theo hướng: “cơ sở vật chất phục vụ công nghiệp văn hóa” là công trình hoặc phần công trình, không gian và hạ tầng kỹ thuật được sử dụng cho hoạt động công nghiệp văn hóa; “tổ hợp sáng tạo văn hóa” là tập hợp công trình, không gian và dịch vụ có liên hệ về chức năng, được hình thành trong dự án đầu tư hoặc khu vực hiện hữu phù hợp quy hoạch. Đối với việc cải tạo, chuyển đổi công năng nhà máy hoặc công trình hiện hữu thành tổ hợp sáng tạo văn hóa, cần quy định chỉ được thực hiện	1. Tiếp thu, tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các khái niệm trong quá trình rà soát và hoàn chỉnh dự thảo Luật. Tiếp thu, bổ sung việc cải tạo chuyển đổi công năng chỉ được thực hiện khi phù hợp quy hoạch đô thị và nông thôn, mục
--	--	---	---

	khí phù hợp quy hoạch đô thị và nông thôn, mục đích sử dụng đất, quy chế quản lý kiến trúc và đáp ứng yêu cầu về an toàn công trình, phòng cháy, chữa cháy, môi trường, giao thông, thoát nạn, di sản văn hóa và pháp luật có liên quan. 2. Về áp dụng pháp luật tại Điều 4 Đề nghị nghiên cứu quy định chỉ ưu tiên áp dụng đối với cơ chế, chính sách đặc thù được xác định cụ thể tại từng điều; các trình tự, thủ tục về quy hoạch, đất đai, đầu tư, đấu thầu, xây dựng và tài sản công tiếp tục thực hiện theo pháp luật chuyên ngành, trừ trường hợp Luật này sửa đổi trực tiếp điều, khoản của luật có liên quan. 3. Về chính sách phát triển công nghiệp văn hóa tại Điều 6 Khoản 3 Điều 6 cần được xác định là định hướng chính sách, không phải căn cứ trực tiếp để quyết định chủ trương đầu tư, bố trí vốn hoặc lựa chọn dự án. Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải tuân thủ quy hoạch, kế hoạch đầu tư công, khả năng cân đối vốn, tiêu chí lựa chọn dự án và phân cấp ngân sách; chi phí vận hành phải gắn với cơ chế tự chủ, đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc cung cấp dịch vụ công. Không mặc nhiên ưu tiên bố trí vốn cho mọi tổ hợp, cụm, khu được công nhận. 4. Về Chương V - Hạ tầng công nghiệp văn hóa Đề nghị rà soát, chỉnh lý Chương V theo hướng chỉ quy định tiêu chí xác định đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ và nguyên tắc phát triển cơ sở vật chất. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện dự án và quản lý công trình thực hiện theo pháp luật về quy hoạch, đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo hình thức PPP, đất đai, đấu thầu, xây dựng, quản lý tài sản công và pháp luật có liên quan. 4.1. Về công trình hạ tầng công nghiệp văn hóa tại Điều 22 Tiêu chí xác định công trình hạ tầng công nghiệp văn hóa còn quá rộng; thủ tục lập danh mục, đề xuất “thành lập, công nhận, chuyển đổi công trình” có thể tạo thêm một lớp phân loại công trình và thủ tục hành chính nhưng chưa rõ hệ quả pháp lý. Đề nghị danh mục, nếu cần thiết, chỉ là danh mục công trình, dự án ưu tiên đầu tư hoặc hỗ trợ; không làm thay đổi quyền sở hữu, mục đích sử dụng đất, công năng, loại và cấp	đích sử dụng đất, quy chế quản lý kiến trúc và đáp ứng yêu cầu về an toàn công trình, phòng cháy, chữa cháy, môi trường, giao thông, thoát nạn, di sản văn hóa và pháp luật có liên quan tại Điều 23 dự thảo Luật. 2. Tiếp thu lược bỏ Điều 4 3. Tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Luật 4. Về Chương V - Hạ tầng công nghiệp văn hóa. Tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Luật 4.1. Rà soát bỏ khoản 3, 6, gộp khoản 5 và 7 hoàn thiện dự thảo Luật theo hướng phân loại công trình
--	---	--

	công trình. Bỏ các cụm từ “thành lập công trình”, “chuyển đổi công trình”; việc đầu tư, cải tạo, chuyển đổi công năng và khai thác tài sản công thực hiện theo pháp luật chuyên ngành. 4.2. Về thành lập, mở rộng tổ hợp, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa tại Điều 23 Điều kiện thực hiện dự án phải bao gồm sự phù hợp với quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch ngành có liên quan; đồng thời bảo đảm kết nối hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, yêu cầu về kiến trúc, cảnh quan, bảo tồn di sản, phòng chống thiên tai, quốc phòng, an ninh. Quy mô diện tích và phân khu chức năng phải được xác định trong quy hoạch hoặc dự án theo tính chất cụ thể, không nên quy định một ngưỡng chung. Đề nghị cân nhắc việc quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Việc dự án phù hợp quy hoạch không phải là căn cứ miễn đấu giá, đấu thầu; lựa chọn nhà đầu tư phải thực hiện đúng trường hợp, điều kiện, trình tự của pháp luật về đất đai, đấu thầu và đầu tư. Đồng thời, cần kiểm soát tỷ lệ chức năng thương mại, dịch vụ, lưu trú, nhà ở để tránh chuyển trọng tâm sang phát triển bất động sản. Khoản 4 cần rà soát phù hợp với phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp. Cấp xã chỉ thực hiện nhiệm vụ quản lý địa bàn theo phân cấp; không giao thẩm quyền về quản lý dự án, chất lượng công trình, điều kiện kinh doanh hoặc nội dung chuyên ngành vượt quá năng lực và thẩm quyền. 4.3. Về công nhận khu vực đã hình thành tại Điều 24 Việc công nhận khu vực hiện hữu chỉ nhằm xác định đối tượng tham gia chương trình hỗ trợ, không được hợp thức hóa vi phạm về đất đai, quy hoạch, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy, môi trường hoặc tài sản công. Đề nghị bổ sung điều kiện công trình, khu vực phải có hồ sơ pháp lý hợp lệ hoặc đã hoàn thành xử lý vi phạm, khắc phục điều kiện an toàn; phù hợp quy hoạch đô thị và nông thôn, mục đích sử dụng đất, quy chế quản lý kiến trúc. Trước khi công nhận cần lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về văn hóa, xây dựng, đất đai, môi trường và cơ quan có liên quan.	4.2. Cụm khu công nghiệp văn hóa phải đáp ứng quy hoạch đô thị và nông thôn, tách tổ hợp sáng tạo văn hóa thành một điều riêng. Về nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư...Căn cứ xây dựng quy định từ quy định của Luật Đầu tư và thực tế đầu tư một số dự án thuộc các tỉnh (Thái Nguyên) và một số địa phương đề xuất. Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Luật 4.3. Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Luật, các khu được công nhận phải đáp ứng điều kiện như khi được hình thành, đồng thời trình tự, thủ tục dự thảo Luật đang giao Chính phủ quy định chi tiết do vậy, tiếp tục nghiên cứu để bổ sung khi xây dựng Nghị định.
--	---	--

		4.4. Về đánh giá hiệu quả tại Điều 26 Đề nghị phân biệt đánh giá hiệu quả chính sách phát triển công nghiệp văn hóa với đánh giá hiệu quả dự án đầu tư và quản lý, sử dụng tài sản công. Kết quả đánh giá theo Luật này chỉ là một nguồn thông tin, không thay thế hồ sơ và thẩm quyền quyết định việc cho thuê, liên doanh, liên kết, chuyển đổi công năng, thanh lý hoặc xử lý tài sản theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. 4.5. Về sử dụng không gian công cộng tại Điều 27 Việc sử dụng quảng trường, công viên, tuyến phố và không gian công cộng phải bảo đảm duy trì chức năng công cộng chủ yếu, quyền tiếp cận bình đẳng của người dân, an toàn giao thông, cây xanh, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường; thực hiện có thời hạn, không hình thành quyền sử dụng độc quyền hoặc chiếm dụng kéo dài. Công trình, thiết bị tạm phải bảo đảm an toàn, được tháo dỡ và hoàn trả mặt bằng sau sự kiện. Trình tự sử dụng không gian công cộng cần bảo đảm công khai vị trí, thời gian, điều kiện, khả năng tiếp nhận, giá hoặc phí sử dụng; có cơ chế lựa chọn khi nhiều đề xuất trùng thời gian, trách nhiệm bồi thường hư hỏng và phục hồi hiện trạng. Việc miễn, giảm giá dịch vụ phải đúng thẩm quyền và pháp luật về giá, phí, tài sản công. 4.6. Về lồng ghép đầu tư cho công nghiệp văn hóa trong dự án hạ tầng dân dụng tại Điều 28 Việc ấn định tỷ lệ tối thiểu trên tổng chi phí xây dựng là nghĩa vụ tài chính mới, tác động đến tổng mức đầu tư, giá thành và hiệu quả dự án, nhưng chưa rõ đối tượng, căn cứ tính, cơ chế quản lý và quyền sở hữu tài sản. Công trình văn hóa, không gian công cộng, nghệ thuật công cộng phải được bố trí theo quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn và yêu cầu cụ thể của dự án; đối với dự án tư nhân, chỉ thực hiện trên cơ sở tự nguyện hoặc nghĩa vụ được xác định minh bạch trong hồ sơ lựa chọn nhà đầu tư, quyết định chấp thuận đầu tư và hợp đồng dự án. 5. Về Chương VII - Tài chính và hỗ trợ, ưu đãi đầu tư Điều 42 không nên xác định toàn bộ hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng công nghiệp văn hóa là ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư. Chỉ xem xét đối với dự án đáp ứng tiêu chí cụ thể về tính công cộng, khả năng lan tỏa, địa bàn khó khăn, bảo tồn di sản, đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm	4.4. Chính phủ quy định chi tiết đánh giá hiệu quả đối với hạ tầng công nghiệp văn hóa để làm căn cứ tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi, đầu tư, mở rộng cũng là phù hợp và mang tính độc lập với cơ quan quản lý hạ tầng Các không gian công cộng tại địa phương do chính quyền địa phương quyết định theo thẩm quyền, dự thảo Luật chỉ quy định mang tính định hướng và nguyên tắc đảm bảo việc thực hiện theo đúng chủ trương và bảo đảm quy định của pháp luật chuyên ngành. 4.6. Việc quy định bắt buộc là cần thiết để bảo đảm toàn dân được tiếp cận với các giá trị văn hóa từ không gian sống, không gian công cộng đến các không gian làm việc, từ đó nâng cao nhận thức và có hành động thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa (mua sắm, sáng tạo, phổ biến, cung cấp dịch vụ....) 5. Dự thảo Luật đã chỉnh sửa dự thảo Luật để bảo đảm phù hợp với định hướng, thực tế và pháp luật liên quan Các cơ chế này thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Vi phạm pháp
--	--	--	--

trọng điểm; việc bổ sung ngành, nghề ưu đãi cần được thực hiện đồng bộ với pháp luật về đầu tư, thuế và đất đai.

Điều 44 và Điều 45 cần gắn ưu đãi với hoạt động thực tế, điều kiện, thời hạn và kết quả đầu ra; có cơ chế hậu kiểm, thu hồi, hoàn trả khi thay đổi mục tiêu, sử dụng đất sai mục đích hoặc không duy trì chức năng đã cam kết.

6. Về nội dung quản lý nhà nước tại Điều 49

Đề nghị phân định rõ thẩm quyền: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp văn hóa và tiêu chuẩn chuyên môn về sản phẩm, dịch vụ văn hóa; tiêu chuẩn, quy chuẩn về quy hoạch, công trình xây dựng, an toàn, hạ tầng kỹ thuật, năng lượng, tiếp cận được ban hành theo pháp luật chuyên ngành và thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước tương ứng.

7. Về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch tại Điều 52

Đề nghị không quy định “quy hoạch phát triển công nghiệp văn hóa” như một loại quy hoạch độc lập, vì chưa xác định vị trí trong hệ thống quy hoạch, nội dung, trình tự, thẩm quyền và quan hệ với quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn. Định hướng phát triển không gian, cơ sở vật chất và hạ tầng phục vụ công nghiệp văn hóa cần được nghiên cứu, tích hợp trong quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch và cụ thể hóa trong quy hoạch đô thị và nông thôn; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì xây dựng chiến lược, kế hoạch và phối hợp đề xuất nội dung tích hợp theo quy định.

8. Về trách nhiệm của Bộ Xây dựng tại khoản 8 Điều 53

Đề nghị sửa khoản 8 Điều 53 theo hướng như sau: “8. Bộ Xây dựng, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chủ trì hoặc phối hợp hướng dẫn việc bố trí không gian, cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật phục vụ công nghiệp văn hóa trong quy hoạch đô thị và nông thôn; quản lý kiến trúc, hoạt động đầu tư xây dựng, chất lượng công trình, phát triển đô thị, nhà ở và thị trường bất động sản có liên quan; ban hành tiêu chuẩn,

luật chuyên ngành cũng là một trong các lý do đề quy định việc thu hồi và hoàn trả kinh phí ưu đãi sẽ được quy định tại dự thảo Nghị định.

6. Về nội dung quản lý nhà nước tại Điều 49

Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Theo Kết luận số 09-KL/TW của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam thì cần “phân định rõ những nội phải được quy định bằng luật và những nội dung được quy định trong từng loại văn bản dưới luật”. Nội dung này thuộc nhiệm vụ Chính phủ giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ được quy định tại Nghị định, thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

7. Về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch tại Điều 52

Tiếp thu ý kiến của Bộ Xây dựng, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật.

8. Về trách nhiệm của Bộ Xây dựng tại khoản 8 Điều 53

Tiếp thu ý kiến của Bộ Xây dựng, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật.

		quy chuẩn về quy hoạch và xây dựng có liên quan theo thẩm quyền; phối hợp xây dựng, kết nối, chia sẻ dữ liệu về công trình và hạ tầng phục vụ công nghiệp văn hóa theo quy định của pháp luật.” Đồng thời, cần xác định Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm về tiêu chí chuyên ngành, nhu cầu và đối tượng hỗ trợ; Bộ Xây dựng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc và xây dựng theo chức năng, không công nhận hoặc đánh giá hiệu quả chuyên ngành của các tổ hợp, cụm, khu. 9. Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp tại Điều 54 Đề nghị sửa điểm b khoản 1 theo hướng địa phương rà soát, bố trí quỹ đất, nhà, công trình thuộc phạm vi quản lý để phát triển công nghiệp văn hóa phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khả năng cân đối nguồn lực và pháp luật về tài sản công; ưu tiên khai thác cơ sở hiện có, công trình dôi dư, sử dụng chưa hiệu quả sau khi hoàn thành thủ tục về đất đai, tài sản công, quy hoạch và xây dựng. Đề nghị bỏ hoặc chỉnh lý điểm c khoản 1. Chỉ tiêu số ghế rạp, ghế nhà hát và thiết chế biểu diễn đa năng là mục tiêu của chương trình, kế hoạch phát triển văn hóa, không phải chỉ tiêu bắt buộc đưa trực tiếp vào quy hoạch tỉnh và kế hoạch sử dụng đất. Địa phương xác định nhu cầu, quy mô, phân bố thiết chế trong quy hoạch có liên quan trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn, điều kiện thực tế và khả năng huy động nguồn lực; đồng thời chuẩn hóa thuật ngữ tại điểm d và rà soát nhiệm vụ cấp xã phù hợp phân cấp. 10. Về cơ sở dữ liệu tại Điều 55 Đề nghị bổ sung nguyên tắc kết nối, chia sẻ, sử dụng lại dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành về quy hoạch, xây dựng, nhà ở, thị trường bất động sản, đất đai, tài sản công; không xây dựng lại hoặc báo cáo trùng lặp dữ liệu đã có. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định danh mục dữ liệu chuyên ngành; các bộ, ngành chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo chuẩn dữ liệu, phân quyền truy cập và quy định về bảo vệ dữ liệu.	9. Tiếp thu ý kiến của Bộ Xây dựng, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật 10. Về cơ sở dữ liệu tại Điều 55 Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật.
Điều 5, Điều 6	Ban Thi đua,	I. Ý KIẾN CHUNG 1. Ý kiến đối với sự cần thiết ban hành Luật	

	Khen thưởng Trung Ương	Việc ban hành Luật Phát triển công nghiệp văn hóa là cần thiết nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về phát triển công nghiệp văn hóa; hoàn thiện cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ để thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa; tạo cơ chế, chính sách đặc thù huy động nguồn lực, khuyến khích đổi mới sáng tạo, phát triển thị trường văn hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới. 2. Ý kiến đối với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và bố cục dự thảo Luật - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, xác định rõ phạm vi điều chỉnh của Luật; - Đề nghị nghiên cứu có một chương hoặc một mục riêng về hợp tác quốc tế, quy định các nội dung như: nguyên tắc hợp tác, hình thức hợp tác, thu hút đầu tư nước ngoài, đồng sản xuất sản phẩm văn hóa, xuất khẩu sản phẩm văn hóa, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong hợp tác quốc tế và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước để tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để phát triển thị trường công nghiệp văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế. 3. Ý kiến đối với các chính sách lớn của dự thảo Luật - Cơ bản thống nhất với các chính sách được nêu trong dự thảo Luật; - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung chính sách hỗ trợ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học, công nghệ; chính sách thúc đẩy hợp tác quốc tế trong phát triển công nghiệp văn hóa thông qua thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, đồng sản xuất, mở rộng thị trường, quảng bá sản phẩm và thương hiệu công nghiệp văn hóa Việt Nam; bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài tham gia phát triển công nghiệp văn hóa theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, nên nghiên cứu bổ sung nội dung chính sách thi đua, tôn vinh và khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có đóng góp xuất sắc, theo nguyên tắc đồng bộ, thống nhất với pháp luật về thi đua, khen thưởng. 4. Ý kiến khác: Không II. Ý KIẾN CỤ THỂ ĐỐI VỚI DỰ THẢO LUẬT 1. Điều 5. Nguyên tắc phát triển công nghiệp văn hóa	1. Tổng hợp ý kiến 2. Tiếp tục rà soát và nghiên cứu Dự thảo Luật đã lược bỏ điều về Hoạt động hợp tác quốc tế, một số nội dung về hợp tác quốc tế như góp ý đã được thể hiện tại pháp luật chuyên ngành như Luật Điện ảnh, Luật Xuất bản, Luật Quảng cáo,... 3. Toàn bộ dự thảo Luật đã thể hiện được tinh thần chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ, các quy định trên cơ sở nền tảng số để tạo thành các chính sách thúc đẩy công nghiệp văn hóa phát triển. Do vậy, quy định thành một chương riêng không thể hiện được tinh thần của toàn bộ dự thảo Luật. Về thi đua, tôn vinh và khen thưởng thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng. 1. Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo luật
--	--------------------------------------	---	---

		- Nội dung dự thảo: “2. Kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hoá xã hội; giá trị kinh tế và giá trị văn hoá xã hội; bảo vệ và phát huy di sản văn hoá, bản sắc văn hoá Việt Nam.” - Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: 2. Kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá xã hội; giá trị kinh tế với giá trị văn hoá xã hội và phát triển bền vững; bảo vệ và phát huy di sản văn hoá, bản sắc văn hoá Việt Nam; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. - Lý do: Bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW; Văn kiện Đại hội XIII của Đảng (2021); 2. Điều 6. Chính sách phát triển công nghiệp văn hóa - Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung: + Chính sách hỗ trợ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học, công nghệ; + Chính sách thúc đẩy hợp tác quốc tế trong phát triển công nghiệp văn hóa thông qua thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, đồng sản xuất, mở rộng thị trường, quảng bá sản phẩm và thương hiệu công nghiệp văn hóa Việt Nam; bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài tham gia phát triển công nghiệp văn hóa theo quy định của pháp luật. + Ngoài ra, nên nghiên cứu bổ sung nội dung chính sách thi đua, tôn vinh và khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có đóng góp xuất sắc, theo nguyên tắc đồng bộ, thống nhất với pháp luật về thi đua, khen thưởng. - Lý do: + Phù hợp phát triển thị trường công nghiệp văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	2. Tiếp thu bổ sung chính sách hỗ trợ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học, công nghệ; hợp tác quốc tế Như đã giải trình tại mục này về thi đua khen thưởng nên không bổ sung chính sách về thi đua, khen thưởng giữ nguyên như dự thảo.
--	--	---	--

		+ Nhằm khuyến khích hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài trong đầu tư, sản xuất, phân phối và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa. + Tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam, xây dựng và phát triển thương hiệu quốc gia về công nghiệp văn hóa... + Tôn vinh các tổ chức, cá nhân có sản phẩm, dịch vụ văn hóa có giá trị cao; Khuyến khích đổi mới, sáng tạo, ứng dụng công nghệ và phát triển các mô hình hiệu quả; Lan tỏa các điển hình tiên tiến, thúc đẩy phong trào thi đua trong lĩnh vực văn hóa. III. Ý KIẾN ĐỐI VỚI CÁC TÀI LIỆU KHÁC TRONG HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương cơ bản thống nhất với các tài liệu thuộc hồ sơ dự án Luật và đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ theo quy định./.	
Điều 1, Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 12, Điều 23, Điều 25, Điều 34, Điều 35, Điều 47, Điều 50, Điều 52, Điều 53, Điều 54	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1. Điều 1, đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể các nội dung thuộc phạm vi phát triển công nghiệp văn hóa. Trong đó bao gồm đầy đủ các lĩnh vực có tiềm năng phát triển công nghiệp văn hóa thuộc khu vực nông nghiệp và nông thôn, như: ngành nghề nông thôn, thủ công mỹ nghệ, làng nghề và làng nghề truyền thống, sản phẩm OCOP có giá trị văn hóa, tri thức bản địa, sản phẩm sáng tạo từ nguyên liệu tự nhiên và các sản phẩm văn hóa gắn với đa dạng sinh học. 2. Điều 3, đề nghị nghiên cứu các nội dung sau: - Khoản 1, đề nghị xem xét, đánh giá tổng thể các nội dung thuộc nội hàm công nghiệp văn hóa để có giải thích từ ngữ “Công nghiệp văn hóa” phù hợp, bao quát. Theo khoản 1 thì “Công nghiệp văn hóa” là... tạo ra sản phẩm công nghiệp văn hóa và hoạt động văn hóa, tuy nhiên khoản 4 chỉ giải thích từ ngữ “Hoạt động công nghiệp văn hóa” mà không giải thích từ ngữ “Hoạt động văn hóa”. - Khoản 8 quy định “Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong các ngành công nghiệp văn hoá là việc cơ quan có thẩm quyền cho phép và thực hiện giám sát đối với tổ chức, doanh nghiệp thử nghiệm có thời hạn,	Điều 1. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: dự thảo Luật chỉ điều chỉnh các đối tượng là ngành công nghiệp văn hóa, các lĩnh vực có tiềm năng phát triển công nghiệp văn hóa, các sản phẩm công nghiệp văn hóa bao gồm các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, làng nghề, sản phẩm ocop tại khoản 2 Điều 5 luật này. Điều 3. Tiếp thu chỉnh sửa khoản 1

		phạm vi và điều kiện xác định đối với hoạt động công nghiệp văn hoá hoặc mô hình kinh doanh mới chưa được pháp luật điều chỉnh đầy đủ”, quy định này liên quan đến các thủ tục hành chính và ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Do đó, đề nghị xem xét đánh giá tổng thể để bảo đảm phù hợp hệ thống pháp luật hiện hành. Tương tự, đề nghị xem xét đối với quy định tại khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật. - Khoản 18 quy định “Nhân tài công nghiệp văn hoá là người có tài năng nổi trội trong các ngành công nghiệp văn hóa, được thể hiện qua năng lực chuyên môn, kinh nghiệm, thành tích hoặc đóng góp có giá trị đối với sự phát triển công nghiệp văn hóa” chưa định lượng cụ thể “tài năng nổi trội” để làm cơ sở công nhận là Nhân tài công nghiệp văn hóa. 3. Điều 5, đề nghị bổ sung nguyên tắc: "Gắn phát triển công nghiệp văn hóa với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, phát huy tri thức bản địa, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và sử dụng bền vững nguồn nguyên liệu." nhằm bảo đảm thống nhất với chủ trương phát triển bền vững và chiến lược tăng trưởng xanh. 4. Điều 6, đề nghị nghiên cứu các nội dung sau: - Đề nghị bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển ngành thủ công mỹ nghệ, làng nghề, nghề truyền thống, sản phẩm OCOP có giá trị văn hóa; hỗ trợ đổi mới sáng tạo, thiết kế sản phẩm, chuyển đổi số, xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường. Đây là các lĩnh vực có tiềm năng lớn nhưng hiện chưa được quy định đầy đủ trong dự án Luật. - Khoản 6, đề nghị xem xét làm rõ sản phẩm công nghiệp văn hoá “có hàm lượng bản sắc Việt Nam” là như thế nào.	Khoản 8 Điều 3: Tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo Luật Khoản 18 Điều 3: Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật 3. Điều 5. Cơ quan chủ trì soạn thảo xin được giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Luật chỉ đưa các nguyên tắc cơ bản, có mối quan hệ trực tiếp đến đối tượng, phạm vi của Luật. Việc phát triển công nghiệp văn hóa cần gắn phát triển công nghiệp văn hóa với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, phát huy tri thức bản địa, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và sử dụng bền vững nguồn nguyên liệu." nhằm bảo đảm thống nhất với chủ trương phát triển bền vững và chiến lược tăng trưởng xanh là cần thiết, tuy nhiên không là nguyên tắc trực tiếp để phát triển văn hóa, do đó không cần thiết đưa vào. 4. Điều 6. Giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Như đã giải trình ý kiến của Bộ Dân tộc và Tôn giáo
--	--	---	---

	5. Chương III, đề nghị xem xét bổ sung quy định về cơ chế bảo hộ đối với mẫu thiết kế truyền thống, tri thức bản địa, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể và các giá trị văn hóa đặc trưng của sản phẩm, nhằm hạn chế tình trạng sao chép mẫu mã, nâng cao giá trị thương hiệu của sản phẩm Việt Nam. 6. Chương IV, đề nghị xem xét bổ sung đối tượng nghệ nhân, người truyền dạy nghề, thợ thủ công là lực lượng nhân lực công nghiệp văn hóa; có chính sách đào tạo, truyền nghề, tôn vinh và hỗ trợ phát triển đội ngũ này. 7. Chương V, đề nghị xem xét bổ sung quy định hỗ trợ xây dựng không gian sáng tạo tại làng nghề, trung tâm thiết kế sáng tạo, trung tâm giới thiệu và phát triển sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm OCOP gắn với phát triển du lịch nông thôn nhằm góp phần hình thành hệ sinh thái công nghiệp văn hóa tại khu vực nông thôn. 8. Chương VII, đề nghị xem xét bổ sung quy định cụ thể về cơ chế ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư phát triển công nghiệp văn hóa tại khu vực nông thôn; khuyến khích hợp tác công tư, xã hội hóa và huy động các nguồn lực hợp pháp khác nhằm tạo điều kiện phát triển bền vững các ngành nghề nông thôn và doanh nghiệp sáng tạo. 9. Điểm b khoản 3 Điều 23 dự thảo Luật quy định: “Đối với dự án thực hiện trong cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa được tổ chức, quản lý theo mô hình khu có ban quản lý theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế, ban quản lý khu chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, với điều kiện dự án phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt”, đề nghị xem xét bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đất đai về các trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất. 10. Khoản 6 Điều 25, đề nghị xem xét bổ sung cụm từ “theo quy định của pháp luật đất đai” vào sau đoạn “Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa được Nhà nước hỗ trợ về đất đai” nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật đất đai.	Khoản 6: Tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Luật 5. Dự thảo Luật không quy định cho một sản phẩm công nghiệp văn hóa cụ thể do vậy việc bổ sung như góp ý làm mất cân đối giữa các lĩnh vực. 6. Dự thảo chỉnh sửa các điều tại chương IV 7. Dự thảo Luật không quy định không gian cụ thể cho từng lĩnh vực, ngành công nghiệp văn hóa, vì vậy không gian sáng tạo làng nghề và Trung tâm thiết kế sáng tạonằm trong quy định chung. 8. Dự thảo Luật không hạn chế không gian, thời gian, tiếp thu bổ sung vào điều khoản hợp lý. 9. Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Luật
--	---	---

		11. Điều 34 và Điều 35 dự thảo Luật quy định về tổ chức, hoạt động của sàn giao dịch công nghiệp văn hóa (sàn giao dịch quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm công nghiệp văn hóa). Do đó, để bảo đảm tính thống nhất với quy định liên quan tại Luật Dữ liệu, đề nghị rà soát nội dung quy định về tổ chức và hoạt động của sàn giao dịch trong trường hợp đối tượng giao dịch có thể bao gồm tài sản số trong các ngành công nghiệp văn hóa và sản phẩm được tạo lập dưới dạng số. 12. Điểm a khoản 2 Điều 47 dự thảo Luật quy định: “Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động văn hóa của doanh nghiệp. Việc xác định thời gian miễn thuế, giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”, trong khi đó tại khoản 1 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định: “trường hợp luật khác có quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khác với quy định của Luật này thì thực hiện theo quy định của Luật này, trừ Luật Thủ đô và các nghị quyết quy định cơ chế, chính sách đặc biệt, đặc thù của Quốc hội” và Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp đã quy định các trường hợp miễn thuế, giảm thuế khác. Do đó, đề nghị xem lại quy định nêu trên nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các hệ thống pháp luật. 13. Khoản 3 Điều 50 dự thảo Luật đã quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, tuy nhiên vẫn dành Điều 53 quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ. Do đó, đề nghị cân nhắc bỏ Điều 50 vì nội dung trách nhiệm quy định tại Điều 50 đã được nhắc lại tại Điều 53 và Điều 54 của dự thảo Luật. 14. Điều 52, đề nghị xem xét bổ sung yêu cầu lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch phát triển công nghiệp văn hoá để bảo đảm yêu cầu của pháp luật về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu.	10. Tiếp thu rà soát chỉnh sửa dự thảo Luật 11. Tiếp thu, tổ chức rà soát để bảo đảm tính thống nhất của pháp luật 12. Tiếp thu, rà soát và điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. 13. Giải trình: Điều 50 là quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan đối với hoạt động về công nghiệp văn hóa, Điều 53, 54 quy định cụ thể quyền, trách nhiệm của các cơ quan. Do đó không có sự trùng lặp. 14. Điều 52: Giải trình: Việc ứng phó biến đổi khí hậu sẽ quy định tại pháp luật
--	--	---	---

		15. Điều 53, đề nghị xem xét bổ sung một khoản riêng quy định về trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, vì dự án Luật có nhiều nội dung quy định thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường như: đất đai, biến đổi khí hậu, môi trường, nông nghiệp, nông thôn,...	chuyên ngành về ứng phó, biến đổi khí hậu, không cần thiết đưa vào dự thảo Luật này. 15. Điều 53: Giải trình vì đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường không cụ thể, do đó không tiếp thu. 15. Trách nhiệm các Bộ không quy định cụ thể tại dự thảo Luật, do vậy đã lược bỏ quy định cụ thể chỉ quy định mang tính nguyên tắc
Điều 3, Điều 4, Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 33, Điều 35, Điều 53	Bộ Công Thương	1. Liên quan đến dự án Luật này, Bộ Công Thương đã có văn bản số 5758/BCT-PC ngày 24/7/2026 góp ý đối với một số nội dung liên quan đến Dự án Luật, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cân nhắc, tiếp thu. 2. Đối với dự thảo Luật gửi kèm theo công văn số 4851/BVHTTDL-PC ngày 03/8/2026, Bộ Công Thương có ý kiến như sau: 2.1. Về một số chủ trương chung: - Do đặc thù của hoạt động văn hóa, cần tách biệt khái niệm “hàng hóa văn hóa”, “dịch vụ văn hóa”, “nội dung số về văn hóa”, đồng thời lồng ghép đặc tính, nguyên tắc, tiêu chí cụ thể để phân loại, mã hóa và thống kê, làm căn cứ cho việc áp dụng quy định pháp luật tương ứng, tránh trùng lặp với quy định pháp luật hiện hành đối với hàng hóa, dịch vụ, nội dung số thông thường khác. - Lĩnh vực công nghiệp văn hóa liên quan đến nhiều luật chuyên ngành, do đó, dự thảo chỉ nên quy định những nội dung mà pháp luật hiện hành còn khuyết thiếu nhằm phát triển công nghiệp văn hóa. Đối với những nội dung mà pháp luật chuyên ngành đã có quy định, đề nghị chỉ quy định theo hướng dẫn chiếu pháp luật liên quan, để tránh việc xung đột pháp luật trong quá trình áp dụng. - Dự thảo luật chỉ nên tập trung hướng tới các khung khổ chính sách mang tính tổ hợp, điều chỉnh đa ngành, đa lĩnh vực mà trong khuôn khổ một luật chuyên ngành không thể điều chỉnh toàn bộ (ví dụ quy định về quy hoạch phát triển, phân bổ khu vực tổ hợp, khu, cụm, làng văn hóa;	2.1. Về một số chủ trương: Tiếp thu, sẽ nghiên cứu chỉnh sửa trong quá trình hoàn thiện dự thảo Luật “khái niệm “hàng hóa văn hóa”, “dịch vụ văn hóa”, “nội dung số về văn hóa”, đồng thời lồng ghép đặc tính, nguyên tắc, tiêu chí cụ thể để phân loại, mã hóa và thống kê, làm căn cứ cho việc áp dụng quy định pháp luật tương ứng, tránh trùng lặp với quy định pháp luật hiện hành đối với hàng hóa, dịch vụ, nội dung số thông thường khác.”.

	quỹ bảo hiểm, quỹ đầu tư phát triển công nghiệp văn hóa; cơ chế ưu đãi tương ứng theo mức độ, quy mô vốn, mức độ tham gia sâu vào chuỗi giá trị công nghiệp văn hóa, về tính phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp văn hóa,...). - Đề nghị không hình thành một hệ thống “Thương hiệu quốc gia” độc lập, song song với Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam hiện hành. 2.2. Về một số quy định cụ thể: - <i>Đối với Điều 3 (Giải thích từ ngữ)</i> + Định nghĩa về “công nghiệp văn hóa”, “sản phẩm công nghiệp văn hóa”, “các ngành công nghiệp văn hóa” hiện nay quá rộng, chưa đủ rõ ràng, còn nhiều khoảng trống mơ hồ trong việc xác định nội hàm, dẫn tới rủi ro trùng lặp giữa các quy định pháp luật chuyên ngành, khó khăn trong việc triển khai áp dụng Luật trong tương lai. Đề nghị Bộ VHTTDL: (i) cân nhắc, tham khảo kinh nghiệm về xây dựng các định nghĩa liên quan đến công nghiệp văn hóa, theo hướng thu hẹp hơn nội hàm khái niệm, chú trọng đến bản chất của hoạt động văn hóa, trên cơ sở đó, xây dựng rõ các khái niệm về “sản phẩm văn hóa” bao gồm “hàng hóa văn hóa”¹ và “dịch vụ văn hóa” gắn với yếu tố đặc thù “văn hóa” để có cơ chế pháp luật tương ứng điều chỉnh cho phù hợp; (ii) Xác định rõ phạm vi “ngành công nghiệp văn hóa” tại Khoản 2 Điều 3, không quy định theo hướng mở rộng như dự thảo hiện hành. Trường hợp bảo lưu quan điểm theo hướng mở như dự thảo, đề nghị bổ sung quy định về căn cứ, tiêu chí và quy trình để xác định một ngành được coi là ngành công nghiệp văn hóa để làm cơ sở áp dụng sau này. + Về khái niệm sản giao dịch công nghiệp văn hóa, đề nghị cân nhắc khu trú lại khái niệm về sản giao dịch công nghiệp văn hóa tại khoản 25 Điều 3 dự thảo Luật để không làm trùng lặp chức năng quản lý giữa các Bộ, ngành cũng như đảm bảo sự thống nhất trong hệ thống pháp luật. + Ngoài ra, nhiều định nghĩa tại Điều này không được sử dụng tại bất kỳ điều khoản nào trong dự thảo Luật (Ví dụ: định nghĩa về “nhân tài công nghiệp văn hóa”, “Cá nhân hoạt động độc lập trong các ngành công	Việc hình thành một hệ thống “Thương hiệu quốc gia” độc lập, song song với Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam hiện hành là điều cần thiết, trong quá trình thực hiện sẽ phối hợp để tận dụng nguồn lực. 2.2 Điều 3 về giải thích khái niệm “Công nghiệp văn hóa” và các khái niệm khác tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật
--	---	---

	nghiệp văn hoá”), đề nghị Bộ VH TTDL rà soát, loại bỏ những định nghĩa không được sử dụng trong bất kỳ điều khoản nào trong dự thảo Luật, hoặc bổ sung quy định tương ứng cho phù hợp. - <i>Đối với Điều 4 (Áp dụng Luật Phát triển công nghiệp văn hóa)</i> Dự thảo hiện đang quy định theo hướng giao Chính phủ quyết định việc áp dụng cơ chế, chính sách thuận lợi hơn trong trường hợp Luật, nghị quyết khác của Quốc hội có quy định ưu đãi, thuận lợi hơn là không phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị cân nhắc bỏ quy định này. - <i>Đối với Điều 6 (Chính sách phát triển công nghiệp văn hóa)</i> Các nội dung tại Điều 6 chỉ mang tính định hướng, không mang tính quy phạm, không phù hợp với tính chất của văn bản quy phạm pháp luật. Đề nghị cân nhắc bỏ Điều 6, cụ thể hóa các chính sách này thành các quy định cụ thể, mang tính quy phạm có thể áp dụng. - <i>Đối với Điều 8 (Các hành vi bị nghiêm cấm)</i> Đề nghị rà soát, thể chế hóa toàn bộ các quy định liên quan đến hành vi bị cấm liên quan đến lĩnh vực văn hóa trong các văn bản chỉ đạo của Đảng vào dự thảo Luật (đặc biệt là việc sáng tạo, mua bán, lưu hành, phát tán các sản phẩm công nghiệp văn hóa đi ngược lại chủ trương, định hướng của Đảng, của Nhà nước; truyền tải thông tin, dữ liệu, định hướng bóp méo sự thật, lịch sử đất nước...). Đề nghị giao Chính phủ hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch quy định cụ thể nội dung này. - <i>Điều 9 (Hệ sinh thái công nghiệp văn hóa)</i> Khoản 1 Điều 9 mang tính định nghĩa, đề nghị đưa vào Điều 3 dự thảo Luật. Khoản 2 Điều 9 đề nghị cân nhắc đưa vào phần tổ chức thực hiện (Điều 53). - <i>Điều 33 (Hoạt động phát triển thương hiệu công nghiệp văn hóa quốc gia)</i> Pháp luật hiện hành đã quy định 02 (hai) chương trình về xây dựng và phát triển thương hiệu, bao gồm: - Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam được quy định tại Quyết định số 30/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Thủ	Tiếp thu đã lược bỏ Điều 4 dự thảo Luật Tiếp thu, rà soát và chỉnh sửa dự thảo Luật Tiếp thu, rà soát và chỉnh sửa dự thảo Luật - Tiếp thu chuyển khái niệm lên Điều 3 và chỉnh sửa khoản 2 bảo đảm rõ chủ thể trong mạng lưới tại dự thảo Luật - Phần tổ chức thực hiện chỉ quy định chung, các cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ không quy định cụ thể tại Luật.
--	--	--

		tướng Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 03/2026/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ; - Chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu ngành hàng Việt Nam được quy định tại Điều 19 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 230/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ. Theo quy định tại Nghị định số 230/2026/NĐ-CP, Chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu ngành hàng Việt Nam là chương trình xúc tiến thương mại đặc thù, dài hạn của Chính phủ nhằm xây dựng và quảng bá thương hiệu ở cấp quốc gia cho các ngành hàng. Trên cơ sở đề xuất của các bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ Công Thương chủ trì, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các Chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu ngành hàng phù hợp với chiến lược xuất nhập khẩu, chiến lược phát triển thương mại trong nước, chiến lược phát triển ngành hàng từng thời kỳ, định hướng và mục tiêu của Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam. Do vậy, đề nghị Bộ VHTTDL chỉnh lý theo hướng: - Việc xây dựng, phát triển thương hiệu ngành công nghiệp văn hóa được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương đối với Chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu ngành hàng Việt Nam. - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất Chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu ngành công nghiệp văn hóa; phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật. - Việc xem xét sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hóa tham gia Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam được thực hiện theo điều kiện, tiêu chí và quy trình của Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam. - <i>Điều 35 (Sàn giao dịch quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm công nghiệp văn hóa)</i> Đề nghị cân nhắc lược bỏ nội dung tại Khoản 3 Điều 35 để tránh trùng lặp với các quy định quản lý nhà nước về thương mại điện tử và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. - <i>Điều 53 (Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ)</i> + Đối với quy định tại Khoản 1(d) Điều 53	Bộ VHTTDL xin được giải trình giữ nguyên như dự thảo Luật: Lý do: để bảo đảm ngành công nghiệp văn hóa đóng góp 7% GDP trong 5 năm tới, việc tạo ra các cơ chế, chính sách đột phá và thực hiện các chương trình thương hiệu quốc gia riêng mà không lồng ghép vào với các chương trình khác là điều cần thiết. Nhằm vừa quảng bá hình ảnh con người, đất nước Việt Nam, sản phẩm công nghiệp văn hóa cần có 1 thương hiệu riêng là phù hợp, trong quá trình thực hiện có thể phối kết hợp.
--	--	--	--

		Dự thảo quy định Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm “xây dựng thương hiệu quốc gia và điều phối mạng lưới xúc tiến ở nước ngoài”. Quy định này chưa xác định rõ đối tượng thương hiệu, phạm vi xúc tiến và cơ chế phối hợp; có thể dẫn đến chồng chéo với chức năng của Bộ Công Thương trong tổ chức thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam, Chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu ngành hàng Việt Nam và hoạt động xúc tiến thương mại ở nước ngoài. Đề nghị Bộ VHTTDL chỉnh lý theo hướng: Chủ trì xây dựng nội dung chuyên ngành, đề xuất Chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu ngành công nghiệp văn hóa; phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức quảng bá, xúc tiến thương mại đối với sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa ở nước ngoài theo quy định của pháp luật. + Đối với quy định tại Khoản 6 Điều 53 Bộ Công Thương không chủ trì nhiệm vụ nào liên quan đến “tín dụng xuất khẩu”, “bảo hiểm xuất khẩu”, đề nghị Bộ VHTTDL cân nhắc, trao đổi, thống nhất thêm với Bộ Tài chính về nội dung này. Đối với các nội dung khác, Bộ Công Thương nhất trí về nguyên tắc, tuy nhiên đề nghị Bộ VHTTDL rà soát, chỉnh sửa theo hướng phân định rõ: (i) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì quản lý, phát triển ngành công nghiệp văn hóa và nội dung chuyên ngành văn hóa; (ii) Bộ Công Thương chủ trì hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường đối với sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa; thực hiện trách nhiệm theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương đối với các chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu; (iii) Hai Bộ phối hợp trong việc phát triển thương hiệu, quảng bá, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa Việt Nam.	Dự thảo Luật đang quy định theo hướng tận dụng chức năng của các sàn đang có sẵn Bỏ Điều 53 quy định chung tại Điều 50 theo hướng thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Nội dung cụ thể về quản lý nhà nước của các cơ quan, bộ, ngành thực hiện theo quy định của văn bản dưới luật.
Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 12, Điều 15, Điều 17,	Bộ Công an	Trả lời Công văn số 4852/BVHTTDL-PC ngày 03/8/2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Bộ Công an đề nghị tham gia ý kiến	

Điều 21, Điều 23, Điều 28, Điều 50, Điều 53	dự thảo Luật Phát triển công nghiệp văn hoá, Bộ Công an có ý kiến như sau: 1. Tại Điều 4 dự thảo Luật quy định về áp dụng Luật Phát triển công nghiệp văn hoá, có nội dung giáo Chính phủ quyết định cơ chế, chính sách của luật, nghị quyết khác nếu “ưu tiên, ưu đãi hoặc thuận lợi hơn” là không phù hợp về thẩm quyền và làm phát sinh việc Chính phủ lựa chọn áp dụng giữa các văn bản của Quốc hội; mặt khác khái niệm “thuận lợi hơn” cũng không có tiêu chí xác định. Do đó, đề nghị bỏ nội dung giáo Chính phủ quyết định và quy định rõ trong Luật phạm vi ưu tiên áp dụng hoặc thực hiện theo nguyên tắc áp dụng pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. 2. Tại khoản 3 Điều 5 dự thảo Luật, đề nghị lược bỏ nội dung “bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh văn hoá” do nội dung này không phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật. Đồng thời, tại khoản 8 Điều 5, đề nghị chỉnh lý lại như sau: “Bảo đảm tối đa lợi ích, an ninh quốc gia của Việt Nam; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển công nghiệp văn hoá”. 3. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nguyên tắc: “Nâng cao năng lực sáng tạo các sản phẩm văn hoá số; chuyển từ không gian văn hoá truyền thống sang phát triển văn hoá trong cả không gian thực và không gian số; chú trọng tạo ra tri thức mới, tài sản trí tuệ, sản phẩm, thị trường và sức mạnh mềm quốc gia trong quá trình phát triển văn hoá” vào Điều 5 dự thảo Luật. 4. Tại Điều 6 dự thảo Luật, đề nghị làm rõ, quy định cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm trong phát triển các ngành công nghiệp văn hoá, nhất là các hành vi lợi dụng chính sách này để xâm phạm an ninh, trật tự. 5. Về việc miễn trừ trách nhiệm đối với “Tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm và cơ quan, người có thẩm quyền quyết định, phê duyệt, giám sát việc thử nghiệm”; “Thẩm định viên và người phê duyệt kết quả định giá tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hoá” hiện đang quy định tại khoản 6, Điều 12 và khoản 5 Điều 17, đề nghị cân nhắc kỹ việc quy định nội dung này do việc đánh giá động cơ, mục đích của những đối tượng này có thông đồng, vụ lợi, không cố ý trong quá trình	1. Tiếp thu lược bỏ Điều 4 2. Tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo dự án Luật 3. Tiếp thu và bổ sung tại khoản 4 dự thảo dự án Luật. Riêng đối với không gian văn hóa, định nghĩa đã bao gồm cả không gian thực và ảo. 4. Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Luật 5. Chỉnh sửa Điều 12 dự thảo Luật. Nội dung tại khoản 6 Điều 12 dẫn chiếu đến pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trong đó, đã có quy định cụ thể, toàn diện. Không phải là khoảng trống cho hành vi vi phạm.
---	--	---

	thực hiện chức trách được giao có thể gặp khó khăn, vướng mắc. Quy định này có thể là “khoảng trống” để phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật. 6. Tại khoản 5 Điều 15 dự thảo Luật quy định về sử dụng tài sản trí tuệ, quy định tài sản trí tuệ “được ưu tiên xử lý theo hướng tiếp tục khai thác” có thể ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể có quyền đối với tài sản và trình tự xử lý tài sản theo pháp luật về dân sự, phá sản và đăng ký biện pháp bảo đảm. Do đó, đề nghị nghiên cứu lại việc quy định này trong dự thảo Luật, để bảo đảm phù hợp, thống nhất của hệ thống pháp luật. 7. Đề nghị chỉnh lý điểm a khoản 2 Điều 21 dự thảo Luật, quy định về thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao như sau: “Nhân lực công nghiệp văn hoá chất lượng cao là người nước ngoài được cấp thẻ tạm trú ký hiệu UD1; người nước ngoài là vợ, chồng con dưới 18 tuổi của người nước ngoài là nhân lực công nghiệp văn hoá chất lượng cao được cấp thẻ tạm trú ký hiệu UD2 theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. 8. Tại điểm b, c khoản 3 Điều 23 dự thảo Luật quy định về lựa chọn nhà đầu tư, có quy định cho phép chấp thuận nhà đầu tư không qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư chỉ với điều kiện dự án phù hợp quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là ngoại lệ quá rộng, không thống nhất với pháp luật về đất đai, đầu tư và đấu thầu, tiềm ẩn thất thoát tài sản công và lợi ích nhóm. Do đó, đề nghị bỏ quy định miễn đấu giá, đấu thầu, chỉ áp dụng theo đúng trường hợp Luật Đất đai, Luật Đấu thầu và Luật Đầu tư cho phép. 9. Tại Điều 28 dự thảo Luật quy định về lồng ghép đầu tư cho hạ tầng công nghiệp văn hoá trong các dự án đầu tư hạ tầng dân dụng, cần đánh giá kỹ tác động của khoản 1 và quy định trong Luật về đối tượng, giới hạn tỷ lệ kinh phí, nguyên tắc hạch toán và giám sát, không cho phép	6. Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Luật 7. Tiếp thu tại điểm a khoản 2 Điều 21 và chỉnh lý thành: “g) Nhân lực công nghiệp văn hóa chất lượng cao là người nước ngoài được cấp thị thực, thẻ tạm trú (ký hiệu UD1); vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi của người này được cấp thị thực, thẻ tạm trú (ký hiệu UD2) theo quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;” 8. Điều 23 xin được giữ nguyên như dự thảo Luật. Lý do: Thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư quyết định chấp thuận đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư. Thực tế theo quy định tại Luật Công nghiệp, công nghệ số thành lập khu công nghệ cao và theo đề xuất của một số địa phương đề nghị. 9. Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Luật
--	--	---

		“đóng góp vào quỹ” (điểm d khoản 2) khi chưa làm rõ tính chất khoản thu và cơ chế quản lý quỹ. 10. Tại khoản 3 Điều 50 và khoản 3 Điều 53 dự thảo Luật quy định trách nhiệm của Bộ Công an: khoản 3 Điều 50 chỉ quy định trách nhiệm của Bộ Quốc phòng mà không quy định trách nhiệm của Bộ Công an nhưng Điều 53 lại giao nhiệm vụ cho Bộ Công an. Điều 53 lại quy định Bộ Công an chỉ “phối hợp bảo đảm hạ tầng dữ liệu và giải quyết thị thực, cư trú cho đoàn làm phim, sự kiện quốc tế” là chưa đúng, chưa rõ phạm vi chức năng. Đề nghị bổ sung trách nhiệm của Bộ Công an tại khoản 3 Điều 50 và tại Điều 53 quy định chính lý lại theo hướng: Bộ Công an chủ trì quản lý xuất nhập cảnh, cư trú theo thẩm quyền, bảo đảm an ninh quốc gia, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; phòng, chống tội phạm; bảo vệ bí mật nhà nước, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm trật tự, an toàn tại các sự kiện, tổ hợp, khu công nghiệp văn hoá. 11. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung đầy đủ yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân; phòng, chống tội phạm; phòng cháy, chữa cháy và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong toàn bộ chuỗi hoạt động công nghiệp văn hoá; xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ Công an đối với cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, nền tảng số, cơ sở dữ liệu quốc gia, hoạt động có yếu tố nước ngoài và các sự kiện tập trung đông người.	10. Tiếp thu ý kiến chỉnh sửa dự thảo Luật 11. Bộ VHTTDL tiếp thu, rà soát, bổ sung dự thảo Luật các điều về nguyên tắc, chính sách và một số nội dung
Điều 51, Điều 53, Quy định về tài sản trí tuệ và sản phẩm phái sinh	Bộ Ngoại giao	I. Ý kiến chung 1. Về sự cần thiết ban hành Luật Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 30/11/2021 đã xác định nhiều định hướng có liên quan đến phát triển công nghiệp văn hóa, quảng bá văn hóa Việt Nam và huy động nguồn lực phục vụ phát triển đất nước, trong đó chú trọng: (i) quan tâm phát triển ngành công nghiệp văn hóa, mở rộng thị trường cho hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ của Việt Nam; (ii) huy động nguồn lực bên ngoài, thúc đẩy hợp tác quốc tế phục vụ phát triển đất nước; (iii) phát huy vai trò của doanh nghiệp trong đầu tư vào công nghiệp văn hóa, quảng bá giá trị văn hóa và gắn thương hiệu sản phẩm Việt Nam với các yếu tố văn hóa đặc sắc;	

(iv) vận động, bảo vệ và phát huy các di sản, danh hiệu quốc tế của Việt Nam; (v) đầu tư nghiên cứu, phát triển các sản phẩm văn hóa đặc sắc, chú trọng xuất bản và phổ biến ra nước ngoài các tác phẩm nghệ thuật có giá trị, chất lượng. Trong bối cảnh đó, việc phát triển các ngành công nghiệp văn hóa sẽ góp phần tạo thêm nguồn lực và sản phẩm cho ngoại giao văn hóa, quảng bá hình ảnh, giá trị văn hóa Việt Nam, mở rộng thị trường quốc tế, qua đó gia tăng sức mạnh mềm và nâng cao vị thế đất nước.

Dự thảo Luật đã có nhiều quy định liên quan đến hội nhập quốc tế, trong đó có phát triển thị trường, xúc tiến xuất khẩu, xây dựng thương hiệu, thu hút nguồn lực và nhân lực quốc tế, hợp tác quốc tế và quảng bá sản phẩm công nghiệp văn hóa Việt Nam ra nước ngoài, phù hợp với Chiến lược Ngoại giao văn hoá nêu trên. Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí với sự cần thiết ban hành Luật này.

2. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và bố cục dự thảo Luật

Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và bố cục dự thảo Luật.

3. Về các chính sách lớn của dự thảo Luật

Chính sách 6 đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư. Nhiều điều khoản trong dự thảo Luật có quy định về việc ưu đãi về thuế (thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu,...). Đề nghị Quý Bộ có những đánh giá sâu hơn về các chính sách ưu đãi này so với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

II. Về các góp ý cụ thể

1. Về vai trò của Bộ Ngoại giao

Đề nghị nghiên cứu bổ sung tại Điều 53 quy định về trách nhiệm của Bộ Ngoại giao trong phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan thúc đẩy hợp tác quốc tế về công nghiệp văn hóa; quảng bá sản phẩm, thương hiệu công nghiệp văn hóa Việt Nam ở nước

Tiếp thu ý kiến Bộ Ngoại giao, Bộ VHTTDL rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện dự thảo Luật.

ngoài; hỗ trợ kết nối thị trường, đối tác, nhà đầu tư và các nguồn lực quốc tế; thông qua mạng lưới cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hỗ trợ doanh nghiệp, địa phương và chủ thể sáng tạo tiếp cận thị trường, đối tác và mạng lưới phân phối quốc tế.

2. Về nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của công nghiệp văn hóa Việt Nam

Đề nghị tiếp tục rà soát các quy định về phát triển thương hiệu, xúc tiến xuất khẩu và hợp tác quốc tế theo hướng không chỉ hỗ trợ đưa sản phẩm công nghiệp văn hóa Việt Nam ra nước ngoài mà chú trọng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, nhất là về thương hiệu, sở hữu trí tuệ, năng lực sáng tạo, bản địa hóa sản phẩm, tiếp thị, phân phối và xây dựng mạng lưới đối tác quốc tế.

Đối với Điều 51 về hoạt động hợp tác quốc tế, đề nghị nghiên cứu làm rõ, bổ sung các hình thức hợp tác quốc tế trong phát triển, khai thác và thương mại hóa sản phẩm công nghiệp văn hóa, tài sản trí tuệ và sản phẩm phái sinh; tăng cường kết nối với các nền tảng và mạng lưới phân phối xuyên biên giới, qua đó mở rộng thị trường và nâng cao khả năng tiếp cận công chúng quốc tế của sản phẩm công nghiệp văn hóa Việt Nam.

3. Về tài sản trí tuệ và sản phẩm phái sinh

Dự thảo Luật đã quy định về tài sản trí tuệ gốc và tài sản trí tuệ phái sinh. Đề nghị tiếp tục rà soát các quy định liên quan đến khai thác, thương mại hóa các tài sản này trong hoạt động có yếu tố nước ngoài và trên thị trường quốc tế, tạo thuận lợi cho việc phát triển, quảng bá và phân phối các sản phẩm công nghiệp văn hóa Việt Nam ra nước ngoài.

Đối với hoạt động công nghiệp văn hóa có yếu tố nước ngoài và hoạt động xuyên biên giới, đề nghị tiếp tục rà soát để bảo đảm phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và pháp luật có liên quan, nhất là trong các lĩnh vực sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư và nền tảng số.

		Bộ Ngoại giao xin thông tin đề Quý Bộ tổng hợp./.	
Điều 15, Điều 43, Điều 48, Điều 53	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1. Tại dự thảo Luật có 02 nội dung liên quan đến trách nhiệm của NHNN là: - Khoản 2 Điều 15: <i>NHNN chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng cơ chế quản lý rủi ro, hướng dẫn tổ chức tín dụng xem xét cấp tín dụng có tài sản bảo đảm là tài sản trí tuệ hoặc quyền tài sản phát sinh từ tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa; thúc đẩy phát triển các sản phẩm tín dụng, bảo lãnh tín dụng và cơ chế chia sẻ rủi ro nhằm mở rộng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp công nghiệp văn hóa;</i> - Khoản 4 Điều 53: NHNN hướng dẫn việc nhận tài sản bảo đảm là tài sản trí tuệ, việc phân loại tài sản có và trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản cấp tín dụng cho hoạt động công nghiệp văn hóa; đưa hoạt động sản xuất nội dung số, trò chơi điện tử vào lĩnh vực được ưu tiên tiếp cận tín dụng. Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ 02 nội dung trên ra khỏi dự thảo Luật vì những lý do sau: (i) NHNN đã ban hành đầy đủ các cơ chế cấp tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 107 Luật Các Tổ chức tín dụng để phục vụ tất cả các ngành, lĩnh vực kinh tế, trong đó có ngành công nghiệp văn hóa. Do đó, đối với vốn tín dụng ngân hàng, các doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp văn hóa thực hiện theo quy định chung về tín dụng hiện hành đối với các ngành, lĩnh vực kinh tế khác. (ii) Theo quy định của Luật các TCTD (Khoản 2 Điều 7, Khoản 2 Điều 100, Khoản 3 Điều 15, Khoản 7 Điều 102 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15), TCTD có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của mình; việc áp dụng lãi suất và biện pháp bảo đảm do TCTD và khách hàng thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu của khách hàng. Do đó, việc giao NHNN hướng dẫn TCTD xem xét cấp tín dụng có tài sản bảo đảm là tài sản trong các ngành công nghiệp văn hóa hoặc xây	Tiếp thu lược bỏ khoản 2 Điều 15 dự thảo Luật Tiếp thu lược bỏ Điều 53 dự thảo Luật

		dựng cơ chế quản lý rủi ro riêng cho lĩnh vực này là không phù hợp với nguyên tắc quản lý hoạt động ngân hàng theo pháp luật hiện hành. (iii) Các quy định liên quan đến tài sản bảo đảm nói chung, tài sản bảo đảm là tài sản trí tuệ hoặc quyền tài sản phát sinh từ tài sản trí tuệ nói riêng được điều chỉnh bởi pháp luật có liên quan (Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định số 21/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ). Đồng thời, theo quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước và Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, NHNN thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối. Do vậy, việc giao NHNN hướng dẫn việc nhận tài sản bảo đảm là không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của NHNN. (iv) Theo pháp luật các TCTD, việc phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro được Chính phủ, NHNN quy định thống nhất, có tính áp dụng chung đối với hệ thống các tổ chức tín dụng nhằm bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng. Đây là các quy định có tính chất quản lý an toàn vĩ mô, được xây dựng trên cơ sở mức độ rủi ro của từng khoản cấp tín dụng, không phân biệt theo ngành, lĩnh vực kinh tế. Do vậy, việc giao NHNN hướng dẫn việc phân loại tài sản có và trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản cấp tín dụng cho hoạt động công nghiệp văn hóa là không phù hợp với cách tiếp cận của pháp luật ngân hàng, tạo tiền lệ quy định các cơ chế tín dụng đặc thù trong nhiều luật chuyên ngành khác. (v) Thời gian qua, NHNN điều hành, định hướng các TCTD tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, NHNN thường xuyên chỉ đạo các TCTD tiết giảm chi phí hoạt động, tăng cường chuyển đổi số và các giải pháp khác để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận tín dụng ngân hàng, thúc đẩy phát triển kinh tế. Các lĩnh vực ưu tiên tiếp cận tín dụng cần được xem xét thận trọng trên cơ sở mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ, diễn biến kinh tế vĩ mô, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và những tác động đối với kinh tế - xã hội.	
--	--	---	--

		2. Đề nghị sửa nội dung khoản 5 Điều 43 dự thảo Luật thành: “<i>Dự án đầu tư xây dựng nhà ở, công trình dịch vụ, ... được áp dụng cơ chế ưu đãi cao nhất về đầu tư, đất đai, nhà ở, thuế, tín dụng đầu tư của Nhà nước và các chính sách hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật</i>”. 3. Đề nghị sửa nội dung khoản 2 Điều 48 dự thảo Luật thành: “<i>Cơ sở công nghiệp văn hóa công cộng được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước theo quy định của pháp luật về xã hội hóa và pháp luật có liên quan, bao gồm ưu đãi về đất đai, đầu tư, thuế, tín dụng đầu tư của Nhà nước và các chính sách hỗ trợ khác</i>”. Trên đây là ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch./.	2. Tiếp thu chỉnh sửa khoản 5 theo hướng dẫn chiếu đến quy định của pháp luật chuyên ngành. 3. Tiếp thu chỉnh sửa theo hướng dẫn chiếu đến quy định của pháp luật chuyên ngành.
Điều 3, Điều 7, Điều 9, Điều 12, Điều 22, Điều 25, Điều 32	Bộ Nội vụ	I. Ý KIẾN CHUNG 1. Ý kiến đối với sự cần thiết ban hành Luật - Thống nhất với việc xác định sự cần thiết ban hành Luật. Hồ sơ đã làm rõ và có đủ căn cứ xác đáng về chính trị, pháp lý và thực tiễn, bảo đảm cơ sở để đề xuất xây dựng Luật. - Hồ sơ đã có đánh giá “Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” tại 3.II Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án Luật Phát triển công nghiệp văn hóa theo quy định định tại điểm đ khoản 4 Điều 33 Luật Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi tại điểm b khoản 10 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15. 2. Ý kiến đối với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và bố cục dự thảo Luật - Về phạm vi điều chỉnh: + Đề nghị bổ sung nội dung “quản lý nhà nước về công nghiệp văn hóa” vào Điều 1 để phản ánh đầy đủ nội dung điều chỉnh của Luật. Đồng thời, đề nghị rà soát, thống nhất việc sử dụng thuật ngữ “quyền và nghĩa vụ” hoặc “quyền và trách nhiệm” xuyên suốt dự thảo, bảo đảm tính thống nhất trong nội dung dự thảo.	Bộ Tổng hợp ý kiến Tiếp thu rà soát dự thảo Luật, bổ sung tại Báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật

		+ Dự thảo Luật có nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến pháp luật về sở hữu trí tuệ, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, dân sự, giá, tín dụng, giao dịch bảo đảm, dữ liệu và giao dịch điện tử. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản rà soát tổng thể dự thảo Hồ sơ dự án Luật để bảo đảm sự phù hợp với nguyên tắc đã được nêu tại dự thảo Tờ trình Chính phủ. Theo đó dự thảo Luật được xây dựng theo hướng luật khung, tập trung quy định mục tiêu, nguyên tắc, chính sách phát triển đặc thù, cơ chế phối hợp và huy động nguồn lực; không nhắc lại, quy định lại hoặc làm thay đổi các chế độ pháp lý đã được quy định tại luật chuyên ngành. Trường hợp cần thiết phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù thì cần quy định cụ thể tại từng điều khoản, xác định rõ phạm vi, đối tượng, thời hạn và mối quan hệ với pháp luật có liên quan. + Bên cạnh đó, Điều 4 dự thảo Luật quy định trường hợp Luật này có cơ chế, chính sách khác với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng Luật này, trừ trường hợp luật, nghị quyết khác của Quốc hội có quy định cơ chế, chính sách ưu tiên, ưu đãi hoặc thuận lợi hơn thì Chính phủ quyết định việc áp dụng cơ chế, chính sách đó. Quy định này có phạm vi quá rộng, chưa xác định cụ thể cơ chế, chính sách nào được ưu tiên áp dụng và có thể dẫn đến xung đột với các luật chuyên ngành. Vì vậy, đề xuất cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh lý quy định này theo hướng Luật Phát triển công nghiệp văn hóa chỉ quy định chính sách hỗ trợ đặc thù; trường hợp thực sự cần cơ chế vượt trội thì phải quy định cụ thể ngay tại từng điều khoản, xác định rõ phạm vi, đối tượng, thời hạn và quan hệ áp dụng pháp luật. - <i>Về bố cục dự thảo</i>: Dự thảo đã bao quát các nhóm chính sách lớn, tuy nhiên cần rà soát, tổ chức lại theo logic thống nhất. Ví dụ: các cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng và ngân sách đang quy định rải rác tại các chương về nhân lực, hạ tầng và thị trường. Đề nghị rà soát, chuyển hoặc dẫn chiếu thống nhất về Chương VII để dễ xác định điều kiện, thời hạn, nguồn lực, cơ chế giám sát và thu hồi các khoản hỗ trợ, ưu đãi. 3. Ý kiến đối với các chính sách lớn của dự thảo Luật - <i>Đối với chính sách 1</i>: + Chính sách đã thể hiện tư duy phát triển theo hệ sinh thái mang tính đổi mới tuy nhiên còn tập trung nhiều vào phía cung (chủ thể sản	Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ cân nhắc, chỉnh sửa để thống nhất với ý kiến góp ý của các Bộ, ngành khác Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo sắp xếp lại các thứ tự các điều, khoản Tiếp thu lược bỏ Điều 4 Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ tiếp tục hoàn thiện
--	--	--	---

xuất, sáng tạo), chưa thực sự quan tâm đến phía cầu (người tiêu dùng, cộng đồng văn hóa), cũng như vai trò của các chủ thể trung gian như tổ chức xúc tiến, môi giới, đại lý, nền tảng phân phối, tổ chức quản lý bản quyền (CMO), tổ chức phi chính phủ... Do đó, đề xuất bổ sung vai trò của cộng đồng văn hóa và các chủ thể trung gian trong kết nối sáng tạo, sản xuất, phân phối, tiếp cận công chúng và phát triển thị trường.

+ Cần nhắc đánh giá kỹ lưỡng tác động của chính sách “*đầu tư hoặc thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu, thuê dịch vụ, hợp tác công tư và các hình thức hợp pháp khác để phát triển, duy trì, vận hành bộ công cụ sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hóa*”, cụ thể là quy định “*Bảo đảm mọi tổ chức, cá nhân có cơ hội tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ ở mức cơ bản miễn phí*”. Quy định này có thể tạo nghĩa vụ ngân sách rất rộng trong khi khó xây dựng một bộ công cụ đáp ứng đặc thù của tất cả các ngành công nghiệp văn hóa; đồng thời có nguy cơ chồng lấn, cạnh tranh với các dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp trên thị trường. Đề nghị cần nhắc không quy định cứng trong Luật mà nên giao Chính phủ quyết định việc triển khai thông qua các chương trình, đề án hoặc nền tảng dùng chung theo từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện nguồn lực và nhu cầu thực tiễn.

+ Cần nhắc bổ sung chính sách khuyến khích phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa số theo hướng bảo đảm khả năng tiếp cận đối với người khuyết tật và phù hợp với nhu cầu, đặc điểm sử dụng của trẻ em, người cao tuổi.

- Đối với chính sách 3

Việc công nhận các danh hiệu nghệ sĩ ưu tú, nghệ sĩ nhân dân, nghệ nhân ưu tú và nghệ nhân nhân dân tương đương yêu cầu về văn bằng đối với môn học đặc thù là giải pháp đột phá, góp phần tháo gỡ điểm nghẽn trong huy động nhân lực nghệ thuật có trình độ thực hành cao tham gia giảng dạy. Tuy nhiên, cần phân biệt giữa đảm nhiệm vị trí giáo viên, giảng viên với tham gia hoạt động giảng dạy. Người có danh hiệu đề được tuyển dụng hoặc đảm nhiệm vị trí giáo viên nên phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và đáp ứng yêu cầu đánh giá năng lực giảng dạy. Danh hiệu chỉ thay thế yêu cầu về văn bằng chuyên môn, không thay thế chuẩn nghề nghiệp nhà giáo. Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ sư phạm, cơ sở giáo dục được mời hoặc ký

Tiếp thu ý kiến.

	hợp đồng để nghệ sĩ, nghệ nhân tham gia hướng dẫn thực hành, cố vấn chuyên môn, tổ chức hoạt động trải nghiệm, giảng dạy ngoại khóa hoặc câu lạc bộ. <i>- Đối với chính sách 4 – Hạ tầng công nghiệp văn hóa</i> Quy định bắt buộc chủ đầu tư dự án hạ tầng dân dụng dành một tỷ lệ kinh phí tối thiểu cho công nghiệp văn hóa (khoản 1 Điều 28) có thể tạo thêm nghĩa vụ tài chính đáng kể. Đề nghị cân nhắc chỉ áp dụng đối với dự án sử dụng ngân sách nhà nước, dự án đô thị quy mô lớn hoặc chuyển thành cơ chế khuyến khích, ưu đãi thay vì nghĩa vụ chung. 4. Ý kiến khác - Dự thảo hiện tập trung nhiều vào số hóa tài nguyên văn hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu và phát triển hạ tầng văn hóa số nhưng chưa có chính sách đủ rõ về phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa số. Nếu không bổ sung nội dung này, nguồn lực nhà nước có thể chủ yếu tập trung vào số hóa di sản và hình thành dữ liệu đầu vào trong khi chưa tạo được cơ chế chuyển hóa dữ liệu thành sản phẩm có giá trị sử dụng, khả năng thương mại hóa và tiếp cận thị trường. Mục 1. Điều, khoản, điểm: Khoản 6 Điều 3 -Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Cân nhắc lược bỏ. -Lý do: Đây là các biện pháp, công cụ chính sách của Nhà nước, không phải nội hàm cần giải thích của một thuật ngữ trong Luật. Trường hợp cần thiết, phần giải thích từ ngữ chỉ nên làm rõ “chuỗi giá trị công nghiệp văn hóa”. Mục 2. Điều, khoản, điểm: Khoản 6 Điều 3 -Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Làm rõ đây là địa điểm vật lý, không gian số hay mô hình tổ chức; có yêu cầu về cơ sở vật chất, tổ chức quản lý hay tư cách pháp nhân không. -Lý do: Khái niệm được xây dựng chủ yếu bằng các thuật ngữ định tính, có nội hàm rộng và chưa được định nghĩa trong dự thảo, như “không gian”, “hỗ trợ”, “chuỗi giá trị”. Do không có tiêu chí nhận diện cụ thể, quy định chưa đủ khả năng phân biệt “không gian sáng tạo văn hoá” với	Cơ quan chủ trì soạn thảo xin được giữ nguyên như dự thảo. Lý do việc quy định tỷ lệ kinh phí tối thiểu bảo đảm tổ chức, doanh nghiệp có đủ năng lực tài chính tham gia hoạt động công nghiệp văn hóa, tránh rủi ro cho doanh nghiệp cũng như gây mất ổn định về kinh tế, xã hội 4. Ý kiến khác - Tại điểm b.1.I Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật Mục 1. Điều, khoản, điểm: Khoản 6 Điều 3 Cơ quan chủ trì soạn thảo xin được giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Trong quá trình thi hành luật việc xác định các công đoạn, các hoạt động hỗ trợ cho công nghiệp văn hóa là rất cần thiết để từ đó áp dụng pháp luật được minh bạch, công khai,
--	--	---

	các loại hình khác như trung tâm đổi mới sáng tạo, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa. Mục 3. Điều, khoản, điểm: Khoản 16 Điều 3 -Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Đề nghị rà soát, chỉnh lý khái niệm “Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia” bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Nghị định số 277/2026/NĐ-CP ngày 09/7/2026 về Hạ tầng văn hóa số. -Lý do: Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 277/2026/NĐ-CP ngày 09/7/2026 về Hạ tầng văn hóa số quy định: “Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia là môi trường lưu trữ, tích hợp, chuẩn hóa, quản trị, phân phối và khai thác dữ liệu văn hóa số từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, nền tảng số, kho dữ liệu chuyên ngành và nguồn dữ liệu hợp pháp khác; không thay thế cơ sở dữ liệu quốc gia...”. Như vậy, cùng một thuật ngữ nhưng dự thảo Luật và Nghị định số 277/2026/NĐ-CP quy định chưa thống nhất về bản chất của Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia (“nền tảng số” hay “môi trường”), phạm vi chức năng và mối quan hệ với cơ sở dữ liệu quốc gia. Mục 4. Điều, khoản, điểm: Khoản 1 Điều 7 -Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Tổ chức, cá nhân hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hoá có quyền bình đẳng tiếp cận, được xem xét hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo tiêu chí, điều kiện, trình tự và trong phạm vi nguồn lực theo quy định của Luật này. -Lý do: Quyền tham gia và được xét hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi khi đáp ứng điều kiện đã được pháp luật bảo đảm, không cần thiết phải quy định. Mục 5. Điều, khoản, điểm: Khoản 4 Điều 7 -Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của Luật này có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ việc kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật. -Lý do: Việc quy định nghĩa vụ “định kỳ báo cáo” đối với mọi tổ chức, cá nhân thụ hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi làm phát sinh nghĩa vụ hành chính với phạm vi áp dụng quá rộng. Cần làm rõ trường hợp, đối tượng và mức độ cần thiết phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, tránh làm gia tăng thủ tục cho đối tượng được hỗ trợ.	chính xác. Do đó việc giải thích từ ngữ như dự thảo là cần thiết. Mục 2. Điều, khoản, điểm: Khoản 6 Điều 3 Giải trình: Các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 3 là hoạt động, không phải là địa điểm. Mục 3. Điều, khoản, điểm: Khoản 16 Điều 3 Tiếp thu rà soát để chỉnh sửa tại dự thảo Luật Mục 4. Tiếp thu chỉnh sửa tại dự thảo Luật Mục 5. Điều, khoản, điểm: Khoản 4 Điều 7 Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật
--	---	---

		Mục 6. Điều, khoản, điểm: Khoản 5, 6 Điều 7 -Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Đề nghị lược bỏ. -Lý do: Đây là các quy định mang tính nguyên tắc về thực hiện chính sách hỗ trợ và quản lý dữ liệu, không phải là nội dung quy định về quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân. Mục 7. Điều, khoản, điểm: Khoản 1 Điều 9 -Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Cân nhắc điều chỉnh thành: “Hệ sinh thái công nghiệp văn hóa là môi trường tương tác động, mở giữa các chủ thể tham gia vào chuỗi giá trị và hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá, bao gồm: ..., cộng đồng văn hóa, khán giả trong điều kiện thể chế, kinh tế, kỹ thuật và xã hội nhất định nhằm tạo ra giá trị văn hóa, kinh tế và xã hội.” -Lý do: Dự thảo hiện chỉ liệt kê các chủ thể, chưa phản ánh đầy đủ các nguồn lực, thiết chế, quan hệ tương tác và liên kết liên ngành cấu thành hệ sinh thái. Bổ sung “cộng đồng văn hóa” để bao quát vai trò của cộng đồng trong bảo tồn, thực hành, truyền dạy và khai thác di sản văn hóa phi vật thể cũng như các quyền, lợi ích mang tính tập thể. Bổ sung đối tượng là khán giả vì Khung thống kê văn hóa UNESCO FCS 2025 đặt “tham gia văn hóa” là một trong ba trụ cột của hệ sinh thái, ngang hàng với sáng tạo và di sản. Khán giả không chỉ là người tiêu thụ thụ động mà là chủ thể tái tạo ý nghĩa văn hóa. Mục 8. Điều, khoản, điểm: Điểm a Khoản 2 Điều 12 -Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc điều chỉnh, diễn giải thuật ngữ “có tính đổi mới sáng tạo” để thống nhất với quy định tại các văn bản pháp lý hiện hành. Mục 9. Điều, khoản, điểm: Khoản 1 Điều 22 -Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Sửa Khoản 1 thành: “Công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá là công trình hoặc tổ hợp công trình đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây: a) Có công năng phục vụ trực tiếp một hoặc nhiều công đoạn trong chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá hoặc hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá; b) Được sử dụng chung hoặc cung cấp dịch vụ cho nhiều tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, chủ thể sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hoá; c) Có phương án quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo đảm an toàn, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường và tiếp cận của người sử dụng; d) Có chỉ tiêu	Mục 6. Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Luật Mục 7. Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Luật Mục 8. Tiếp thu ý kiến của Bộ Công an, bổ quy định tại khoản 5 và 6 Điều 7. Mục 9. Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Luật
--	--	---	--

đánh giá hiệu quả khai thác, hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và tác động đến phát triển công nghiệp văn hoá; đ) Có dữ liệu quản lý, khai thác, sử dụng được cập nhật vào cơ sở dữ liệu về công nghiệp văn hoá theo quy định.”

Mục 10. Điều, khoản, điểm: Khoản 4 Điều 22

-Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Sửa Khoản 4 Điều 22 thành: “4. Thủ tướng Chính phủ ban hành, điều chỉnh, bổ sung Danh mục công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá quốc gia theo đề nghị của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.”

Mục 11. Điều, khoản, điểm: Khoản 5 Điều 22

-Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Sửa Khoản 5 thành: “5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, điều chỉnh, bổ sung Danh mục công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo đề nghị của cơ quan chuyên môn về văn hoá thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

Mục 12. Điều, khoản, điểm: Khoản 6 Điều 22

-Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Sửa Khoản 6 Điều 22 thành: “Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chuyên môn về văn hoá thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc rà soát hiện trạng, cung cấp thông tin, cập nhật dữ liệu và quản lý công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá trên địa bàn theo phân cấp, ủy quyền.”

-Lý do: Khoản 5 Điều 22 đã giao cơ quan chuyên môn về văn hoá thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì rà soát, lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, điều chỉnh, bổ sung Danh mục công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Do đó, việc tiếp tục quy định Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập, công nhận, chuyển đổi công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá là không cần thiết và có thể gây chồng lấn về quy trình. Cần xác định rõ một cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm tham mưu, tổng hợp, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền đối với Danh mục công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá cấp tỉnh. Cơ quan đầu mối phù hợp là cơ quan chuyên môn về văn hoá thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm thống nhất quản lý chuyên ngành, đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp văn hoá, hiện trạng thiết chế văn hoá, tài sản công, không gian công cộng và nhu cầu phát triển trên địa bàn. Ủy

Mục 10. Tiếp thu bổ sung dự thảo Luật

Mục 11. Dự thảo lược bỏ khoản 6 Điều 22

Mục 12. Dự thảo lược bỏ khoản 6 Điều 22

ban nhân dân cấp xã tham gia với vai trò phối hợp cung cấp thông tin, rà soát hiện trạng, phản ánh nhu cầu và quản lý trên địa bàn theo phân cấp, nhưng không nên được quy định là chủ thể đề xuất trực tiếp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thành lập, công nhận, chuyển đổi công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá.

Mục 13. Điều, khoản, điểm: Khoản 7 Điều 22

-Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Sửa Khoản 7 Điều 22 thành: “7. Hội đồng nhân dân ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, bố trí nguồn lực theo thẩm quyền thúc đẩy hình thành và phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghiệp văn hoá để sáng tạo, phát triển, khai thác, sử dụng hiệu quả và lan tỏa giá trị của công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá.” (lược bỏ cụm từ “và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”).

-Lý do: Theo quy định về tổ chức chính quyền địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là cơ quan quyết định các chính sách, biện pháp, chủ trương và bố trí nguồn lực thuộc thẩm quyền của địa phương; trong khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện quản lý nhà nước ở địa phương. Việc quy định “Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, bố trí nguồn lực” để làm chưa rõ ranh giới thẩm quyền giữa cơ quan quyết định chính sách và cơ quan tổ chức thực hiện chính sách. Đối với nội dung “cơ chế, chính sách ưu đãi, bố trí nguồn lực”, chủ thể phù hợp để quy định trong khoản này là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nên được quy định ở khoản khác với vai trò tổ chức thực hiện, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chính sách thuộc thẩm quyền, ban hành kế hoạch, quy chế quản lý, vận hành, khai thác công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá theo thẩm quyền.

Mục 14. Điều, khoản, điểm: Khoản 5 Điều 25

-Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Dự thảo Luật đã có một số quy định về quản lý, vận hành và khai thác hạ tầng công nghiệp văn hóa, trong đó khoản 5 Điều 25 quy định trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa. Tuy nhiên, các quy định này mới áp dụng đối với từng loại hình, trường hợp cụ thể, chưa có quy định chung về nguyên tắc và trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác đối với hạ tầng công nghiệp văn hóa nói chung.

Mục 13. Điều 22 đã lược bỏ khoản 7

Mục 14. Giữ nguyên như dự thảo Luật do vận hành khai thác công trình công nghiệp văn hóa thuộc sở hữu của nhiều thành phần, nguồn vốn đầu tư, phạm vi, nên chỉ quy định mang tính

	Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung một điều về quản lý, vận hành và khai thác hạ tầng công nghiệp văn hóa: “Điều ... Quản lý, vận hành và khai thác hạ tầng công nghiệp văn hoá 1. Hạ tầng công nghiệp văn hoá được quản lý, vận hành theo mô hình phù hợp với loại hình sở hữu, nguồn vốn đầu tư, chức năng, quy mô và đối tượng sử dụng; bảo đảm hiệu quả khai thác, tiếp cận công bằng, an toàn, minh bạch và phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn hoá. 2. Tổ chức quản lý, vận hành hạ tầng công nghiệp văn hoá có trách nhiệm: a) Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ; b) Công khai công năng, điều kiện sử dụng, giá dịch vụ, chính sách miễn, giảm, hỗ trợ đối với chủ thể sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ, tổ chức phi lợi nhuận; c) Bảo đảm tỷ lệ diện tích, thời lượng hoặc năng lực phục vụ nhất định cho hoạt động sáng tạo, thử nghiệm, trưng bày, biểu diễn, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hoá; d) Cung cấp, cập nhật dữ liệu về tình hình khai thác, sử dụng, sự kiện, dịch vụ, chủ thể tham gia và kết quả hoạt động vào cơ sở dữ liệu công nghiệp văn hoá; đ) Thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá hiệu quả và chịu trách nhiệm về việc thực hiện cam kết khi được hưởng ưu đãi, hỗ trợ.” -Lý do: Dự thảo Luật đã có quy định về trách nhiệm quản lý, vận hành đối với một số loại hình hạ tầng công nghiệp văn hóa nhưng chưa có quy định chung áp dụng đối với hạ tầng công nghiệp văn hóa. Việc bổ sung quy định chung sẽ tạo cơ sở thống nhất cho quản lý, vận hành và khai thác, đồng thời làm rõ trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành và yêu cầu về hiệu quả khai thác, công khai, minh bạch, cung cấp dữ liệu và đánh giá kết quả. Mục 15. Điều, khoản, điểm: Khoản 2 Điều 32 -Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Đề nghị lược bỏ hoặc chuyển thành tiêu chí ưu tiên. -Lý do: Quy định này giới hạn ở các doanh nghiệp đã phát triển tài sản trí tuệ gốc trọng điểm, sản phẩm trọng điểm hoặc sản phẩm có hàm lượng bản sắc Việt Nam tham gia hỗ trợ. Cách quy định này có thể tạo	chất chung không nên tách thành một điều riêng.
--	---	---

		ra nghịch lý doanh nghiệp đã có kết quả trước mới được hỗ trợ nâng cao năng lực để tạo ra kết quả đó. Quy định cũng có thể loại trừ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp đang ở giai đoạn hình thành sản phẩm. Mục 16. Điều, khoản, điểm: Khoản 3 Điều 32 -Nội dung dự thảo: Nhân sự trong doanh nghiệp công nghiệp văn hoá quy định tại khoản 2 Điều này tham gia các hoạt động hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này cần trực tiếp tham gia chuỗi giá trị hoặc hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá đối với sản phẩm công nghiệp văn hoá có hàm lượng bản sắc văn hoá Việt Nam. -Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: Đề nghị lược bỏ. -Lý do: Khái niệm doanh nghiệp công nghiệp văn hóa đã xác định doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị hoặc hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hóa. Việc tiếp tục đặt điều kiện đối với từng nhân sự là trùng lặp, khó xác định.	Mục 15. Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Luật Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Luật
Điều 3, Điều 4, Điều 7	Bộ Y tế	- Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật quy định: “Các ngành công nghiệp văn hoá bao gồm: ...; Quảng cáo;...”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ nội hàm “Quảng cáo” được xác định là một ngành công nghiệp văn hóa tại khoản 2 Điều 3, bảo đảm phân định với hoạt động quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về quảng cáo và pháp luật chuyên ngành có liên quan. Lý do: Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Quảng cáo được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 75/2025/QH15 xác định “quảng cáo” là hoạt động giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh nên có phạm vi áp dụng đối với nhiều ngành, lĩnh vực. Khoản 4 Điều 20 Luật Quảng cáo đồng thời quy định điều kiện riêng đối với quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt, trong đó có thuốc, mỹ phẩm, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế, thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ em, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, thiết bị y tế. Vì vậy, cần làm rõ nội hàm “Quảng cáo” được xác định là một ngành công nghiệp văn hóa tại dự thảo Luật và bảo đảm phân định với hoạt động quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo pháp luật về quảng cáo và pháp luật chuyên ngành có liên quan, tránh chồng chéo trong áp dụng pháp luật.	Quảng cáo là Hoạt động quảng cáo được điều chỉnh bởi Luật Quảng cáo

		lưu trữ trong khoảng thời gian phù hợp với mục đích xử lý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trên đây là ý kiến của Bộ Y tế, kính gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp./.	
Tờ trình Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 36, Điều 49, Điều 53	Bộ Giáo dục và Đào tạo	- Đề nghị tiếp tục rà soát các quy định liên quan đến hệ thống giáo dục quốc dân, chương trình giáo dục, đào tạo, nhà giáo, tuyển sinh, chỉ tiêu đào tạo, công nhận kết quả học tập và bảo đảm chất lượng để bảo đảm thống nhất với pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và nhà giáo; tránh tạo ra cơ chế riêng chồng chéo với Luật chuyên ngành. - Khoản 2, Điều 18: Việc sử dụng Khung năng lực nhân lực công nghiệp văn hóa trong xây dựng chuẩn chương trình, chuẩn đầu ra, tổ chức đào tạo, công nhận kết quả học tập và bảo đảm chất lượng giáo dục thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Lý do: Khung năng lực chuyên ngành có liên quan trực tiếp đến chương trình, chuẩn đầu ra, công nhận kết quả học tập và bảo đảm chất lượng trong hệ thống giáo dục quốc dân. Cần phân định rõ trách nhiệm quản lý chuyên ngành văn hóa với trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo. - Đề nghị bổ sung Khoản 3 Điều 18: 3. Khung năng lực nhân lực công nghiệp văn hoá không áp dụng đối với chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên. Mục tiêu, nội dung giáo dục, yêu cầu cần đạt của các môn học và hoạt động giáo dục nghệ thuật trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Lý do: Khung năng lực nhân lực công nghiệp văn hóa nhằm phục vụ phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành, không phải là căn cứ để xác định mục tiêu, nội dung, yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên. Việc quy định rõ phạm vi áp dụng nhằm tránh hình thành thêm một hệ thống chuẩn tác động trực tiếp đến Chương	Tiếp thu chỉnh sửa các Điều 17, 18, 19 và 20 bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Đồng thời cũng đề xuất một số nội dung phù hợp với thực tiễn, tuy nhiên chưa thực sự bảo đảm với quy định hiện hành của pháp luật về giáo dục đại học. Tuy nhiên, việc bổ sung nội dung chưa thống nhất này là cần thiết nhằm điều chỉnh các vướng mắc trên thực tiễn nhiều năm qua chưa được giải quyết cũng như giải quyết những bất cập mới phát sinh khi ban hành Luật giáo dục đại học năm 2025. Cụ thể: - Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục giảng dạy, đào tạo ngành, nghề thuộc Danh mục ngành, nghề ưu tiên đào tạo về công nghiệp văn hóa do Bộ VHTTDL ban hành được hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề bằng với mức phụ cấp đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đang công tác trong trường năng khiếu thể dục thể thao, trường năng khiếu nghệ thuật, trường phổ thông

trình giáo dục, đồng thời bảo đảm thẩm quyền quản lý nhà nước về chương trình giáo dục theo pháp luật về giáo dục.

- **Điểm a khoản 1 Điều 19:** Rà soát, lồng ghép, tăng cường giáo dục nghệ thuật và phát hiện, bồi dưỡng tài năng, năng khiếu nghệ thuật phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục và quy định của pháp luật về giáo dục.

Lý do: Việc sửa đổi, cập nhật chương trình giáo dục phải thực hiện theo quy trình, thẩm quyền và yêu cầu chuyên môn quy định trong pháp luật về giáo dục. Việc xây dựng, thẩm định, ban hành, điều chỉnh chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và phải thực hiện theo quy trình, thủ tục quy định tại Luật Giáo dục. Do đó, dự thảo Luật chỉ nên quy định định hướng chính sách, không quy định trực tiếp nhiệm vụ “cập nhật chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên”.

- **Điểm d khoản 1 Điều 19:** Huy động các nguồn lực xã hội hóa xây dựng, trang bị cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu giáo dục nghệ thuật trong cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên theo quy định của pháp luật về tài trợ, xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục. Đồng thời đề nghị bổ sung trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giáo dục nghệ thuật, không quy định theo hướng chỉ dựa vào nguồn xã hội hóa.

Lý do: Bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, không bình quân hóa, không tạo áp lực đóng góp đối với cha mẹ học sinh.

- **Bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 19:**

đ) Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục truyền thống; xây dựng văn hóa học đường và môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật trong cơ sở giáo dục; các hoạt động giáo dục, trải nghiệm cho học sinh, sinh viên tại bảo tàng, thư viện, nhà hát, di tích, không gian sáng tạo và thiết chế văn hóa khác phù hợp với chương trình giáo dục, đặc điểm của người học và điều kiện của địa phương.

Lý do: Phát triển công nghiệp văn hóa không chỉ nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp tham gia sáng tạo, sản xuất, kinh doanh sản phẩm văn hóa mà còn phải góp phần hình thành con người có nhân cách, năng lực thẩm

dân tộc bản trú theo quy định của pháp luật về nhà giáo.

- Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, người thực hành, truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể, người lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống khi ký hợp đồng giảng dạy, thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được trả tiền công, thù lao theo cơ chế thỏa thuận, mức chi trả theo khung thù lao chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, người có tài năng đặc biệt theo quy định của pháp luật về thu hút, trọng dụng nhân tài.

- Chuyên gia của doanh nghiệp công nghiệp văn hóa tham gia giảng dạy các ngành trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học được quy đổi là nhà giáo cơ hữu khi đáp ứng các điều kiện về văn bằng và yêu cầu về năng lực, nghiệp vụ sư phạm theo quy định của pháp luật về nhà giáo.

mỹ, ý thức bảo tồn giá trị văn hóa và nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa lành mạnh. Quy định này cũng tạo căn cứ pháp lý cụ thể hóa nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về triển khai các nhiệm vụ về văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, lối sống và văn hóa ứng xử trong cơ sở giáo dục. Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng Đề án đổi mới giáo dục nghệ thuật, di sản văn hóa trong các cơ sở giáo dục đến năm 2030 trình Thủ tướng Chính phủ; việc bổ sung quy định nêu trên sẽ tạo căn cứ pháp lý đồng bộ để tổ chức thực hiện.

- Đề nghị bổ sung điểm e Khoản 1 Điều 19: e) Kinh phí thực hiện các hoạt động quy định tại khoản này được bảo đảm từ ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo, nguồn thu hợp pháp của cơ sở giáo dục, nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp văn hóa quy định tại Điều 38 Luật này và các nguồn hợp pháp khác.

Lý do: Các nhiệm vụ về giáo dục nghệ thuật, giáo dục di sản, văn hóa học đường và tổ chức hoạt động trải nghiệm chỉ có tính khả thi khi có nguồn lực thực hiện. Việc quy định nguyên tắc đa dạng hóa nguồn tài chính đồng thời xác định trách nhiệm của ngân sách nhà nước giúp tránh cách hiểu các hoạt động này chủ yếu dựa vào xã hội hóa và đóng góp của người học, cha mẹ học sinh.

- Đề nghị bỏ Điểm c, khoản 1 và Điểm e khoản 2 Điều 19 Từ đó bổ sung Khoản 4 Điều 19

4. Việc sử dụng danh hiệu nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú, nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong hoạt động giáo dục được thực hiện thống nhất theo các nguyên tắc: a) Người được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú khi tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành môn học, nội dung giáo dục hoặc ngành, nghề thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của danh hiệu được phong tặng được công nhận đáp ứng yêu cầu về trình độ đào tạo đối với nội dung giảng dạy, hướng dẫn thực hành đó; đồng thời phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, nghiệp vụ sư phạm theo quy định của pháp luật về nhà giáo.

b) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định phạm vi, điều kiện và hình thức tham gia giảng dạy quy định tại khoản này.

Lý do: Hai quy định hiện đang xử lý cùng một đối tượng nhưng khác nhau giữa các bậc học phổ thông và giáo dục nghề nghiệp, đại học. Đề nghị gộp thành một quy định chung để áp dụng thống nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân. Danh hiệu nghệ sĩ, nghệ nhân có thể được thừa nhận thay cho yêu cầu về trình độ chuyên môn đối với đúng nội dung, lĩnh vực được phong tặng, nhưng không nên đồng nhất danh hiệu với toàn bộ chuẩn nhà giáo; yêu cầu về năng lực, nghiệp vụ sư phạm và các điều kiện khác thực hiện theo pháp luật về nhà giáo.

- **Điểm a khoản 2 Điều 19:** Thực hiện chính sách tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển đối với người có tài năng, năng khiếu nghệ thuật vào học các ngành đào tạo phù hợp theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.

Lý do: Quy định “đặc cách tuyển thẳng” dễ được hiểu là thiết lập một cơ chế tuyển sinh đặc thù, áp dụng trực tiếp, trong khi việc tuyển sinh phải bảo đảm thống nhất với pháp luật chuyên ngành và quy chế tuyển sinh. Luật Giáo dục đại học năm 2025 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 và Quy chế tuyển sinh đại học năm 2026 được ban hành theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT; vì vậy, Dự thảo Luật này nên quy định nguyên tắc, chính sách ưu tiên, còn phương thức và điều kiện tuyển sinh cụ thể thực hiện theo pháp luật về giáo dục. Đồng thời, cần xác định rõ tiêu chí, phương thức đánh giá và thẩm quyền xác định tài năng, năng khiếu để bảo đảm minh bạch, công bằng và thống nhất khi áp dụng.

- **Điểm d khoản 2 Điều 19:** Các cơ sở đào tạo phối hợp với doanh nghiệp định kỳ hằng năm thống kê tỷ lệ người học có việc làm, phân tích, đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu của người tốt nghiệp làm căn cứ điều chỉnh chương trình, phương thức đào tạo và xác định chỉ tiêu tuyển sinh. Việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh và tổ chức đào tạo văn bằng thứ hai thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và trên cơ sở đáp ứng đầy đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng.

Lý do: Tỷ lệ người học có việc làm chỉ là một trong các căn cứ đánh giá kết quả đào tạo. Việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh còn phải căn cứ đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, kết quả kiểm định, quy mô người học và các điều kiện bảo đảm chất lượng khác; đồng thời phải tuân thủ tiêu chí, nguyên tắc, trình tự và phương pháp do Bộ trưởng

		Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Không nên quy định mặc nhiên theo hướng mở rộng quy mô hoặc mở rộng đào tạo văn bằng thứ hai. - Điểm g khoản 2 Điều 19: Cơ sở đào tạo phối hợp với doanh nghiệp xác định nội dung, thời gian tham gia đào tạo của chuyên gia, nghệ sĩ, nghệ nhân. Các đối tượng này được tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, truyền nghề hoặc cố vấn chuyên môn với tư cách phù hợp theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và nhà giáo. Lý do: Giảng viên cơ hữu được xác định trên cơ sở quan hệ tuyển dụng, hợp đồng lao động, vị trí việc làm và chế độ làm việc tại cơ sở đào tạo; không được xác định chỉ bằng tỷ lệ thời gian tham gia đào tạo của người đang làm việc tại doanh nghiệp. Việc quy đổi chuyên gia doanh nghiệp thành giảng viên cơ hữu theo tỷ lệ thời gian có thể làm sai lệch việc xác định đội ngũ và năng lực đào tạo khi xác định chỉ tiêu tuyển sinh. - Điểm i khoản 2 Điều 19: Tăng cường liên kết với doanh nghiệp, hỗ trợ thực tập, trải nghiệm nghề nghiệp, kết nối tuyển dụng và nâng cao khả năng có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp; phối hợp sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ chuyên gia của doanh nghiệp phục vụ đào tạo, thực hành, thực tập theo quy định của pháp luật. Lý do: “Bảo đảm việc làm” là nghĩa vụ tuyệt đối, khó thực hiện trong điều kiện thị trường lao động biến động. Trách nhiệm phù hợp của cơ sở đào tạo là hỗ trợ thực tập, kết nối tuyển dụng và nâng cao khả năng có việc làm của người học. - Khoản 4 Điều 19: Chính phủ quy định chi tiết nội dung chi và mức chi thù lao đối với nghệ sĩ, nghệ nhân, chuyên gia và người có chuyên môn được mời tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, cố vấn chuyên môn, tổ chức hoạt động trải nghiệm tại cơ sở giáo dục Lý do: Việc huy động nghệ sĩ, nghệ nhân, chuyên gia tham gia hoạt động giáo dục làm phát sinh nội dung chi có tính đặc thù. Cần có cơ sở pháp lý để lập dự toán, thanh toán và tổ chức thực hiện thống nhất, đồng thời bảo đảm tương xứng với trình độ, kinh nghiệm và tính chất hoạt động chuyên môn.	Tiếp thu theo ý kiến của Bộ Công an
--	--	---	--

	- Điều 21: Làm rõ tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp văn hóa chất lượng cao; thẩm quyền, trình tự công nhận; thời hạn áp dụng chính sách; nguồn kinh phí; trách nhiệm, cam kết, kết quả đầu ra và cơ chế chấm dứt, thu hồi ưu đãi. Các chính sách liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức; tiền lương, tiền thưởng; thuế; lao động; xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú cần bảo đảm thống nhất với pháp luật chuyên ngành. Lý do: Tránh quy định ưu đãi chung chung, khó áp dụng hoặc phát sinh xung đột với pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, lao động, thuế và xuất cảnh, nhập cảnh. - Bổ sung điểm d Khoản 2 Điều 36: d) Tổ chức chương trình, suất diễn, suất chiếu, hoạt động tham quan, trải nghiệm dành riêng cho học sinh, sinh viên gắn với hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục Lý do: Việc tổ chức chương trình, suất diễn, suất chiếu và hoạt động trải nghiệm dành cho học sinh, sinh viên góp phần mở rộng khả năng tiếp cận, hưởng thụ văn hóa, giáo dục thẩm mỹ và hình thành công chúng cho các ngành công nghiệp văn hóa; đồng thời gắn phát triển thị trường văn hóa với mục tiêu giáo dục. - Bổ sung khoản 3 Điều 36: Cơ sở giáo dục được phối hợp với bảo tàng, di tích lịch sử - văn hóa, thư viện, nhà hát, rạp chiếu phim, đơn vị nghệ thuật và doanh nghiệp công nghiệp văn hóa để tổ chức cho học sinh, sinh viên tiếp cận, trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa gắn với việc thực hiện chương trình và các hoạt động giáo dục. Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa thực hiện miễn, giảm giá vé đối với học sinh, sinh viên và nhà giáo hướng dẫn khi tham gia các hoạt động quy định tại khoản này; khuyến khích tổ chức, cá nhân khác thực hiện miễn, giảm giá vé và các ưu đãi tương tự. Lý do: quy định tạo cơ chế pháp lý để kết nối cơ sở giáo dục với các thiết chế văn hóa và doanh nghiệp công nghiệp văn hóa, đưa sản phẩm, dịch vụ văn hóa vào hoạt động giáo dục, trải nghiệm một cách có tổ chức; chính sách miễn, giảm giá vé góp phần bảo đảm cơ hội tiếp cận của học sinh, sinh viên và tăng hiệu quả khai thác các thiết chế văn hóa. - Khoản 7 Điều 36: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc tổ chức cho học sinh,	Tiếp thu bổ sung tại dự thảo Luật (Điều 35) Tiếp thu bổ sung tại dự thảo Luật (Điều 35) Nhiệm vụ này sẽ do 2 Bộ thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ không quy định tại dự thảo Luật
--	---	---

		sinh viên tiếp cận sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa gắn với hoạt động giáo dục quy định tại khoản 3 Điều này. Lý do: Nội dung tổ chức cho học sinh, sinh viên tiếp cận sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa vừa thuộc lĩnh vực văn hóa vừa liên quan trực tiếp đến hoạt động giáo dục. Vì vậy, cần xác định trách nhiệm phối hợp giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Giáo dục và Đào tạo để bảo đảm phù hợp với chương trình giáo dục, yêu cầu chuyên môn, an toàn và quyền lợi của người học. - Khoản 5 Điều 49: phát triển nguồn nhân lực công nghiệp văn hóa Lý do: Cụm từ “quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng” có thể dẫn đến cách hiểu Luật Phát triển công nghiệp văn hóa thiết lập một cơ chế quản lý hoạt động giáo dục, đào tạo song song với pháp luật chuyên ngành. Việc quản lý hoạt động giáo dục, đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân thực hiện theo pháp luật về giáo dục. - Khoản 7, Điều 53: Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp văn hóa theo quy định của pháp luật về giáo dục; ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện nhiệm vụ được giao tại Luật này. Lý do: Quy định theo hướng này bảo đảm đúng thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo pháp luật về giáo dục, đồng thời bao quát việc đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp văn hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật, không giới hạn ở một số ngành cụ thể. Việc bổ sung thẩm quyền ban hành hoặc trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật tạo cơ sở pháp lý để Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức triển khai thống nhất các nhiệm vụ được giao tại Luật này. - Đề nghị rà soát, sử dụng thống nhất thuật ngữ theo Luật Giáo dục, trong đó thay cụm từ “sinh viên” bằng “người học” tại điểm d và điểm i khoản 2 Điều 19 - Đối với các tài liệu khác trong hồ sơ dự án luật 1. Dự thảo Tờ trình Chính phủ Bộ Giáo dục và Đào tạo cơ bản nhất trí với nội dung Dự thảo Tờ trình.	Lược bỏ Điều quy định cụ thể về nhiệm vụ của các Bộ
--	--	---	--

		- Tại mục 3.3 “Chính sách 3: Nhân lực công nghiệp văn hóa”, Dự thảo Tờ trình xác định Khung năng lực nhân lực công nghiệp văn hóa làm căn cứ “chuẩn hóa toàn bộ hoạt động đào tạo, đánh giá và phát triển nguồn nhân lực”, đồng thời đề xuất các giải pháp về đặc cách tuyển thẳng; công nhận giá trị của danh hiệu nghệ sĩ, nghệ nhân khi tham gia hoạt động giáo dục; tính chuyên gia, nghệ sĩ từ doanh nghiệp là giảng viên cơ hữu khi xác định chỉ tiêu tuyển sinh. Các nội dung này tương ứng với các quy định tại Điều 18, Điều 19 Dự thảo Luật và cần được rà soát, đánh giá trên cơ sở hệ thống pháp luật về giáo dục hiện hành, đặc biệt là pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và nhà giáo. - Đề nghị chỉnh lý Tờ trình và tài liệu đánh giá tác động theo hướng làm rõ: (i) bất cập cụ thể của pháp luật giáo dục hiện hành mà chính sách đề xuất cần xử lý; (ii) sự cần thiết phải quy định cơ chế đặc thù tại Luật Phát triển công nghiệp văn hóa thay vì thực hiện theo pháp luật chuyên ngành; (iii) tác động đến nguyên tắc công bằng trong tuyển sinh, quyền tự chủ của cơ sở đào tạo, phạm vi công nhận việc đáp ứng yêu cầu về trình độ đào tạo của nghệ sĩ, nghệ nhân và các yêu cầu khác đối với nhà giáo, điều kiện bảo đảm chất lượng và phân định thẩm quyền quản lý nhà nước; (iv) phương án xử lý xung đột pháp luật, tránh hình thành các hệ thống tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục song song. - Đồng thời, nội dung Tờ trình cần bảo đảm thống nhất với quan điểm xây dựng Luật là không quy định lại các chính sách đã được quy định tại luật chuyên ngành, không làm phát sinh xung đột với pháp luật chuyên ngành; cập nhật, chỉnh lý đồng bộ với Dự thảo Luật sau khi tiếp thu ý kiến, làm rõ tác động, nguồn lực và điều kiện tổ chức thực hiện các chính sách về đào tạo nguồn nhân lực, học bổng, trợ cấp, phát triển tài năng, thu hút nhân lực chất lượng cao, xây dựng văn hóa học đường và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Các tài liệu khác trong Hồ sơ dự án Luật Bộ Giáo dục và Đào tạo cơ bản nhất trí. Đề nghị rà soát, cập nhật để bảo đảm thống nhất về nội dung, số điều, thuật ngữ, chính sách và giải pháp tổ chức thực hiện với Dự thảo Luật sau khi được hoàn thiện.	Tiếp thu chỉnh sửa hồ sơ dự thảo Luật
--	--	---	--

Điều 1, Điều 4, Điều 5, Điều 7, Điều 49, Điều 53, Chương VIII	Thanh tra Chính phủ	1. Về Điều 4. Áp dụng Luật Phát triển công nghiệp văn hóa Điều 4 dự thảo Luật quy định "Trường hợp Luật này có quy định về cơ chế, chính sách khác với luật, nghị quyết khác của Quốc hội về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật này, trừ trường hợp luật, nghị quyết khác của Quốc hội có quy định cơ chế, chính sách ưu tiên, ưu đãi hoặc thuận lợi hơn thì Chính phủ quyết định việc áp dụng cơ chế, chính sách đó." Đề nghị bỏ cụm từ "Chính phủ quyết định việc" để có thể trực tiếp áp dụng các quy định của Luật và không làm phát sinh thủ tục; đồng thời phù hợp khoản 6 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định "Việc áp dụng pháp luật khác với quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này do Quốc hội quy định". 2. Về Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân: Đề nghị bổ sung cụm từ "hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hóa" vào tên điều để trở thành "Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hóa" và kết cấu lại điều này thành 02 khoản, trong đó, khoản 1 là quyền, khoản 2 là nghĩa vụ. Một số nội dung khoản 5, khoản 6 không thuộc nội dung "quyền" hoặc "nghĩa vụ" nên cần xem xét không đề ở điều này.	Tiếp thu lược bỏ Điều 4 Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Luật Bổ sung tại Điều 49 dự thảo Luật

	3. Về Điều 49. Nội dung quản lý nhà nước về công nghiệp văn hóa Điều 49 dự thảo hiện chưa có nội dung về thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm việc thực Thiện các quy định của pháp luật về công nghiệp văn hóa. Đề nghị bổ sung nội dung này, do đây là nội dung quản lý nhà nước quan trọng để kiểm soát việc thực hiện các chính sách ưu tiên, ưu đãi có tính đặc thù, vượt trội tại Luật này. 4. Về Điều 53. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ: - Tại khoản 1 "Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp văn hóa...": Đề nghị bổ sung nhiệm vụ xử lý vi phạm về việc thực hiện các quy định của pháp luật về công nghiệp văn hóa. - Tại Điều 15 có quy định về việc đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản trí tuệ trong công nghiệp văn hóa; xử lý tài sản bảo đảm là tài sản trí tuệ. Đây là lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 09/2026/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó, cần xem xét bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Tư pháp tại Điều 53. - Có nhiều điều khoản trong dự thảo (chương II đến chương VI) quy định thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các bộ, ngành khác (như Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, v.v), ví dụ: khoản 2 Điều 9; khoản 2 Điều 15; khoản 2, 3 Điều 17; khoản 2 Điều 18, v.v. Các nội dung này không trùng lặp với các nội dung quy định tại Điều 53 nhưng vẫn thuộc trách nhiệm của các bộ. Do đó, tại Điều 53 cần có quy định để thể hiện nội dung này. 5. Về Chương VIII. Quản lý nhà nước: Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu sắp xếp lại để các điều quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước và trách nhiệm của các bộ, ngành, các địa phương liên nhau; các điều về các nội dung quản lý nhà nước cụ thể (hợp tác quốc tế; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; cơ sở dữ liệu quốc gia; thông kê; bộ chỉ số và hoạt động đo lường) liên nhau.	Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Luật
		Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Luật

		6. Luật Phát triển công nghiệp văn hóa được xây dựng theo hướng luật đặc thù, do vậy, dự thảo cần bổ sung một số nội dung mang tính nguyên tắc để kiểm soát quyền lực; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; phòng ngừa và xử lý việc trục lợi chính sách đồng thời bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, cụ thể như: - Điều 5. Nguyên tắc phát triển công nghiệp văn hóa: Đề xuất bổ sung nội dung "bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền khi áp dụng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo Luật này". - Bổ sung nguyên tắc "Bảo đảm việc giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật" tại một số điều, đặc biệt là các điều quy định về nội dung, lĩnh vực nhạy cảm, dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực (như: Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; cơ chế đồng đầu tư; định giá tài sản trí tuệ; đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng; đầu tư, quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công, v.v.); quy định rõ chế tài khi các chủ thể không đáp ứng các cam kết đầu tư hoặc có vi phạm. - Bổ sung nguyên tắc về xử lý vi phạm, miễn, giảm, loại trừ trách nhiệm pháp lý theo hướng: Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, trục lợi, những thiếu sót của cán bộ, công chức, viên chức và các hành vi vi phạm khác trong thi hành, áp dụng Luật này; miễn, giảm, loại trừ trách nhiệm pháp lý trong trường hợp không vụ lợi, đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại. 7. Mô hình Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam (trước đây Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý) có nhiều nét tương đồng với "Tổ hợp sáng tạo văn hóa" và "Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa" được quy định trong dự thảo. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có tổng kết, đánh giá về những ưu điểm, hạn chế trong hoạt động	Tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Luật Nội dung giám sát, thanh tra, kiểm tra thuộc nội dung quản lý nhà nước Tiếp thu chỉnh sửa và dẫn chiếu nội dung áp dụng pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Điều 12 dự thảo Luật Tiếp thu, tổng kết và báo cáo cơ quan có thẩm quyền
--	--	--	--

		của Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam trước đây để làm cơ sở thiết kế các chính sách, quy định trong Luật Phát triển công nghiệp văn hóa phù hợp, khả thi, đảm bảo hiệu quả khi được áp dụng. 8. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục nghiên cứu, xem xét tính tương thích của dự thảo đối với một số luật có liên quan trực tiếp đến các chính sách lớn của Luật Phát triển công nghiệp văn hóa: Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Đất đai, Luật Quy hoạch, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, v.v. để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và tính khả thi khi áp dụng; nghiên cứu, xem xét mối quan hệ giữa dự thảo và các luật liên quan đến lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch đã ban hành (Luật Điện ảnh, Luật Di sản văn hóa...) để làm rõ phạm vi điều chỉnh.	Luật này không quy định nội dung chuyên ngành của các luật khác. Tiếp tục nghiên cứu để đề nghị chỉnh sửa khi sửa dự thảo Luật.
Tờ trình, Điều 2, Điều 3, Điều 6, Điều 9, Điều 15, Điều 17, chính sách thuế và ưu đãi thuế, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 27, Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47,	Bộ Tài chính	1. Ý kiến chung 1.1. Nội dung các chính sách tại dự thảo luật mang tính chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành liên quan. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ quy định tại Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam, Thông báo số 129-TB/VPTW ngày 30/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Phiên họp lần thứ hai Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển văn hóa Việt Nam (Ban Chỉ đạo), Thông báo số 12-TB/BCĐTW ngày 30/7/2026 của Ban Chỉ đạo thông báo kết luận Phiên họp thứ hai của Ban Chỉ đạo, các quy định của pháp luật hiện hành, tình hình thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển công nghiệp văn hóa trong thời gian qua, tổng hợp ý kiến các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để hoàn thiện dự thảo Luật, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. 1.2. Về đánh giá nguồn lực thực hiện Luật	

Điều 49, Điều 53	Tại khoản 1 Mục VI dự thảo Tờ trình nêu “Về nguồn lực tài chính: (Tiếp tục bổ sung trên cơ sở lấy ý kiến Bộ Tài chính, bộ ngành, cơ quan, đơn vị liên quan)”. Dự thảo Luật quy định nhiều nội dung chi từ ngân sách nhà nước (NSNN) và nhiều chính sách ưu đãi tác động đến NSNN (ưu đãi thuế, tín dụng...). Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan chủ trì dự thảo Luật và đề xuất chính sách, căn cứ quy định tại Điều 29 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật bổ sung nội dung đánh giá tác động của các chính sách nêu tại dự thảo Luật đến NSNN, dự kiến nguồn lực và lộ trình thực hiện, bảo đảm khả thi trong tổ chức thực hiện, theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết số 26/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2026 – 2030¹ và Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4/2026², bảo đảm hồ sơ trình Chính phủ và trình Quốc hội có đầy đủ các nội dung nêu trên. 1.3. Về quản lý, sử dụng tài sản công Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát các nội dung liên quan đến việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công tại dự thảo Luật, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. 2. Ý kiến cụ thể đối với hồ sơ dự thảo Luật 2.1. Về các nhiệm vụ giao Bộ Tài chính chủ trì a) Tại khoản 3 Điều 17 giao “<i>Bộ Tài chính phối hợp các Bộ ngành liên quan ban hành chuẩn nghề nghiệp đối với thẩm định viên định giá tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa; định kỳ rà soát, đánh giá và công bố danh sách tổ chức thẩm định giá tài sản trí tuệ văn hóa đáp ứng tiêu chí theo quy định</i>”. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cân nhắc không quy định tại dự thảo Luật nội dung giao Bộ Tài chính chủ trì nhiệm vụ này vì việc quản lý ngành, lĩnh vực về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và tài	Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã rà soát. Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã rà soát. Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã bỏ tại khoản 4 Điều 15 dự thảo Luật.
---------------------	--	--

	sản trí tuệ, bao gồm việc ban hành các quy định về định giá tài sản trí tuệ, thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài chính là đơn vị phối hợp thực hiện theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Trường hợp cần có những quy định đặc thù của ngành, lĩnh vực, đề nghị quy định rõ tại dự thảo Luật và giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực về công nghiệp văn hóa, chủ trì (chi tiết quy định cụ thể về định giá và thẩm định giá tại Phụ lục kèm theo). b) Tại khoản 2 Điều 53 dự thảo Luật quy định “2. <i>Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các quy định về ưu đãi thuế, chi ngân sách nhà nước, đầu tư công, tín dụng đầu tư của Nhà nước cho phát triển công nghiệp văn hóa theo quy định của Luật này.</i>” Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch không đề xuất giao Bộ Tài chính chủ trì nhiệm vụ tại khoản 2 Điều 53 dự thảo Luật, vì: (i) Ưu đãi thuế quy định tại các Luật thuế thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội. (ii) Chi NSNN và đầu tư công cho phát triển văn hóa được quy định đầy đủ tại Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn. (iii) Chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước thực hiện qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPT) đã được Chính phủ ban hành đầy đủ và thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước và Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2023 của Chính phủ³. 2.2. Các ý kiến tham gia cụ thể đối với hồ sơ dự thảo Luật: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo. Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tham khảo, nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Luật./.	Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật theo hướng chỉ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về công nghiệp văn hóa nói chung và giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về công nghiệp văn hóa, không giao nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành khác.
--	--	--

Chú thích:

¹ Đối với các chính sách, chế độ, các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án mới, các chủ trương đang trình cấp có thẩm quyền, tuân thủ nghiêm nguyên tắc chỉ ban hành khi đã rà soát tính cần thiết, hiệu lực, hiệu quả, không trùng lặp và trong phạm vi nguồn lực ngân sách nhà nước.

² Trong quá trình xây dựng đề án và chính sách, phải đánh giá đầy đủ về nguồn lực thực hiện, phù hợp với Kế hoạch tài chính 5 năm để đảm bảo khả thi và an ninh, an toàn tài chính quốc gia.

³ Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước

Phụ lục
GÓP Ý DỰ THẢO LUẬT PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA

(Kèm theo Công văn số 12597/BTC-KTN ngày 16 tháng 8 năm
2026 của Bộ Tài chính)

1. Về đối tượng áp dụng (Điều 2 dự thảo Luật)

Đối tượng áp dụng và chủ thể thụ hưởng chính sách được đề cập tại khoản 5 Điều 5, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 44 Dự thảo Luật Phát triển Công nghiệp văn hóa (sau đây gọi là dự thảo Luật) chưa được quy định thống nhất, chưa bao quát tổ hợp tác và liên hiệp hợp tác xã. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, bổ sung đầy đủ cụm từ “tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã” tại Điều 2 và các điều khoản có liên quan để phù hợp với Luật Hợp tác xã năm 2023, bảo đảm không bỏ sót các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trong các ngành thủ công mỹ nghệ, du lịch văn hóa, thiết kế sáng tạo và các ngành công nghiệp văn hóa khác.

Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã bổ sung đầy đủ cụm từ: “...doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cộng đồng và cá nhân trong nước và nước ngoài...” tại Điều 2, Điều 36, để bảo đảm bao quát các tổ chức kinh tế tập thể theo Luật Hợp tác xã năm 2023.

		Đồng thời, đề nghị bổ sung cụm từ này tại Điều 5, Điều 37 dự thảo Luật. 2. Về giải thích từ ngữ (Điều 3 dự thảo Luật) Ngày 14/7/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 282/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam; trong đó có quy định nội dung về cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa. Qua rà soát, có nhiều nội dung quy định về cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa tại dự thảo Luật và Nghị định số 282/2026/NĐ-CP hiện không thống nhất với nhau, như khái niệm cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa; việc thành lập, mở rộng tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa;...Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát các nội dung trên tại dự thảo Luật và Nghị định số 282/2026/NĐ-CP để đảm bảo đồng bộ, thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật. 3. Về chính sách phát triển công nghiệp văn hóa (Điều 6 dự thảo Luật) a) Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, làm rõ nội dung “Nhà nước thực hiện cơ chế bảo lãnh tín dụng đối với khoản vay được bảo đảm bằng tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hoá...” để đảm bảo rõ ràng trong thực tế áp dụng. b) Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu không quy định nội dung “Nhà nước thực hiện cơ chế bảo lãnh tín dụng đối với khoản vay được bảo đảm bằng tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa...” nêu tại khoản 5 Điều 6 dự thảo Luật vì theo quy định của Luật Tổ chức tín dụng năm 2024, các tổ chức tín dụng (TCTD) có thẩm quyền xem xét, quyết định các hình thức, tài sản bảo đảm đối với khoản các khoản vay căn cứ vào phương án tài chính, hiệu quả... của dự án vay vốn. Đồng thời, tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hoá[1] là	Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉnh sửa khái niệm Tổ hợp sáng tạo văn hóa (khoản 13 Điều 2) và Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa (khoản 14 Điều 2) để đảm bảo đồng bộ, Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính theo hướng chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 5 dự thảo Luật thành “thực hiện cơ chế bảo lãnh tín dụng thông qua quỹ có chức năng bảo lãnh tín dụng theo quy định của pháp luật có liên quan đối với khoản vay được bảo đảm bằng tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa”. Ngoài ra đề nghị được giữ lại nội dung này bởi lẽ dự thảo không quy định “Nhà nước thực hiện cơ chế bảo lãnh” mà chỉ quy định “thực hiện cơ chế bảo lãnh” có nghĩa trao quyền tự chủ cho các tổ chức tín dụng căn cứ tình hình thực tế để quyết định việc cho vay hoặc không cho vay. Vì vậy không đem lại rủi ro cho các tổ chức tín dụng
--	--	--	--

		loại tài sản khó xác định giá trị (phụ thuộc vào cơ quan thẩm định giá, yếu tố thị trường, khả năng thương mại hóa...) nên việc chấp nhận tài sản trí tuệ làm tài sản bảo đảm sẽ tiềm ẩn rủi ro rất cao cho các TCTD cũng như cơ chế bảo lãnh của Nhà nước. 4. Về hệ sinh thái công nghiệp văn hóa (Điều 9 dự thảo Luật) Khoản 1 Điều 9, điểm e khoản 1 Điều 32 và khoản 4 Điều 41 dự thảo Luật có sử dụng các cụm từ “quỹ đầu tư, quỹ tài chính”, “quỹ tư nhân”, “quỹ đầu tư mạo hiểm”, cũng như đề cập một số hình thức về cơ chế đồng đầu tư của cơ quan nhà nước, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm rõ các nội dung này về nội hàm, bổ sung khái niệm vào Điều 3 của dự thảo Luật về giải thích từ ngữ để làm rõ phạm vi áp dụng và điều chỉnh để đảm bảo thẩm quyền và trách nhiệm trong quản lý nhà nước đối với các loại hình quỹ đầu tư, quỹ tài chính, quỹ tư nhân, quỹ đầu tư mạo hiểm trong phát triển công nghiệp văn hóa; đồng thời bổ sung thuyết minh làm rõ khái niệm và nội hàm của các loại hình quỹ này trong phát triển công nghiệp văn hóa; bổ sung làm rõ tính phù hợp với Quỹ văn hóa, nghệ thuật được quy định tại Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam. 5. Về sử dụng tài sản trí tuệ (Điều 15 dự thảo Luật) Căn cứ quy định tại khoản 16 Điều 4[2], Điều 40[3] và khoản 4 Điều 55[4] Luật Giá năm 2023, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát các quy định có nội dung về thẩm định giá tại khoản 3 Điều 15 để bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật về thẩm định giá. Trường hợp thực hiện thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá tài sản (bao gồm tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hoá), đề nghị thực hiện theo quy định của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn, trong đó có việc sử dụng báo cáo và chứng thư thẩm định giá. 6. Về hỗ trợ nâng cao năng lực định giá tài sản trí tuệ (Điều 17 dự thảo Luật)	Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã bỏ quy định về cơ chế đồng đầu tư tại dự thảo Luật. Các tổ chức quỹ quy định tại Khoản 1 Điều 8, điểm e khoản 1 Điều 32 và Điều 41 đều là các quỹ đã được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc quy định của quỹ trong dự thảo Luật nhằm tạo cơ chế, hành lang pháp lý cho các quỹ tham gia vào hệ sinh thái phát triển công nghiệp văn hoá và các hoạt động đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghiệp văn hoá. Luật này không thiết lập các cơ chế thành lập quỹ mới. Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã rà soát, chỉnh sửa tại khoản 2 Điều 14 dự thảo Luật. Các quy định tại dự thảo Luật bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật về thẩm định giá. Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã bỏ quy định giao Bộ Tài chính chủ trì ban hành chuẩn nghề nghiệp định giá TSTT. Thay vào
--	--	---	--

		Tại khoản 3 Điều 17 giao “<i>Bộ Tài chính phối hợp các Bộ ngành liên quan ban hành chuẩn nghề nghiệp đối với thẩm định viên định giá tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa; định kỳ rà soát, đánh giá và công bố danh sách tổ chức thẩm định giá tài sản trí tuệ văn hóa đáp ứng tiêu chí theo quy định</i>”. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch không quy định tại dự thảo Luật nội dung giao Bộ Tài chính chủ trì nhiệm vụ này, do: - Định giá và thẩm định giá là 2 khái niệm khác nhau và đã được quy định cụ thể tại Luật Giá. Định giá lại được chia thành 02 nhóm: (1) Định giá của Nhà nước: Luật Giá 2023 đã quy định Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá bao gồm 42 nhóm hàng hóa, dịch vụ và (2) Các hoạt động định giá còn lại là các hoạt động định giá hoặc các định giá theo nhu cầu, thỏa thuận hoặc quy định tại các pháp luật chuyên ngành; có thể thực hiện bởi bất cứ ai và có thể lựa chọn tham khảo áp dụng hoặc không áp dụng các quy định về quy trình, phương pháp định giá. Hoạt động thẩm định giá là hoạt động nghiệp vụ có tính chuyên môn cao và phải tuân thủ theo các Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành; hoạt động thẩm định giá do các tổ chức đáp ứng đủ điều kiện theo luật thực hiện. Về thẩm định giá: Hiện nay, các quy định chung về hoạt động thẩm định giá đã được quy định tại Luật Giá năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật Giá 2025) và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn. Về điều kiện, tiêu chuẩn nghề nghiệp thẩm định giá đã được quy định cụ thể tại các văn bản nêu trên; đồng thời Bộ Tài chính cũng đã ban hành 11 Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam, các chuẩn mực này đã quy định đầy đủ cách thức thẩm định giá đối với tất cả các tài sản thẩm định giá. Về định giá chuyên ngành: Luật Giá đã quy định rõ công tác quản lý giá thực hiện theo ngành, lĩnh vực. - Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì trình cấp có thẩm quyền ban hành Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật	đó, tại khoản 2 Điều 15, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ “chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ” triển khai các hoạt động hỗ trợ chung, phù hợp với chức năng quản lý ngành.
--	--	--	---

	Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Công nghiệp công nghệ số... Bộ Khoa học và Công nghệ cũng là cơ quan được Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Nghị quyết số 57-NQ/TW giao “chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương liên quan rà soát, tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn việc định giá tài sản trí tuệ hình thành từ nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng NSNN, tạo cơ sở để đẩy mạnh chuyển giao, thương mại và hợp tác 3 Nhà”[5]; được Chính phủ giao “(3) Khẩn trương ban hành tài liệu hướng dẫn định giá tài sản trí tuệ hình thành từ nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng NSNN nhằm tạo thuận lợi cho việc chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hoàn thành trong Quý I năm 2026”[6] và “b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính...; hướng dẫn việc định giá tài sản sở hữu trí tuệ hình thành từ nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng NSNN”[7]. 7. Về các nội dung quy định về thuế và ưu đãi thuế (điểm a khoản 2 Điều 21, khoản 5 Điều 21, Điều 40, Điều 42, khoản 5 Điều 43, khoản 1 Điều 44, Điều 45, khoản 2 Điều 47, khoản 2 và khoản 3 Điều 48 và khoản 1 Điều 58 dự thảo Luật) Pháp luật thuế hiện hành áp dụng thống nhất đối với tất cả các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, không phân biệt đầu tư trong nước hay đầu tư nước ngoài. Pháp luật thuế quy định cụ thể lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế, trong đó lĩnh vực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và văn hóa luôn được ưu tiên áp dụng các chính sách ưu đãi thuế cao nhất trong khuôn khổ pháp luật về thuế nhằm phát triển các lĩnh vực này theo đúng chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước. Tại điểm b, điểm c khoản 2.2 Mục II Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 về Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay,	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục rà soát bổ sung chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc thù, vượt trội bảo đảm thực hiện đúng chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, cụ thể: Bổ sung nội dung quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với đoàn làm phim nước ngoài vào Việt Nam sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam (Điều 48). Lý do: Hàng năm Việt Nam đón khoảng 10 đến 12 đoàn làm phim vào Việt Nam để quay phim, kinh phí chi tiêu cho hoạt động này là không nhỏ. Để bảo đảm thu hút được các đoàn làm phim nước ngoài vào Việt Nam nhiều hơn trong thời gian tới cần phải có chính sách ưu đãi, nâng cao tính cạnh tranh của Việt Nam. Thực tế, các nước trên thế giới đã thực hiện
--	--	--

	trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số” đã nêu: <i>“b) Xây dựng hệ thống thuế hiện đại, minh bạch, vừa thúc đẩy tăng trưởng vừa bảo đảm nguồn thu cho NSNN, hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thuế, bảo đảm tính trung lập của hệ thống thuế...”</i> <i>c) Đối với chính sách đặc thù tài chính - NSNN của địa phương, tập trung khai thác các nguồn thu mới; không ban hành các cơ chế, chính sách, quy định đặc thù về miễn, giảm, ưu đãi thuế cao hơn quy định của pháp luật về thuế, pháp luật khác về thu NSNN...”</i> Kết luận số 18-KL/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIV cũng đã đặt ra yêu cầu của việc hoàn thiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo hướng chuyển trọng tâm các chính sách ưu đãi thuế sang các chính sách ưu đãi khác, áp dụng ưu đãi sau - ưu đãi theo kết quả. Tại điểm b khoản 1 Mục I Điều 1 Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ nêu: <i>“Các chính sách thuế chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật về thuế và được hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính nhất quán về hiệu lực pháp lý giữa các luật thuế và các văn bản pháp luật có liên quan”</i>; Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 5035/TB-TTKQH ngày 20/3/2025 nêu: <i>“Về các quy định ưu đãi thuế, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất nguyên tắc ưu đãi thuế cần được quy định trong văn bản pháp luật về thuế; không lồng ghép các chính sách ưu đãi thuế trong luật chuyên ngành để đảm bảo tính tổng thể, nhất quán của hệ thống pháp luật”</i>. Theo quy định của pháp luật đầu tư thì bên cạnh các giải pháp về ưu đãi đầu tư, Luật Đầu tư còn quy định 9 giải pháp về hỗ trợ đầu tư[8]. Căn dựa vào các giải pháp này thay vì các chính sách ưu đãi về thuế để bảo đảm đúng theo chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước.	hoàn trả chi phí hợp lệ phát sinh từ nhiều năm như: Thái Lan 15-30% và không giới hạn trần hoàn từ năm 2025 trở thành quốc gia % cạnh tranh nhất ở Đông Nam Á; Hàn Quốc hoàn từ 20-25%; New Zealand và Úc hoàn từ 20-30%; Abu Dhabi hoàn chi phí tới 50% (mức cao nhất thế giới); hầu hết các quốc gia khu vực châu Âu đều có ưu đãi tối thiểu 30%, trong đó Pháp 30%-40%, Đức 30%, Hy Lạp 40%, Hungary 30%-37.5%, Tây Ban Nha 25%-50%, Ý 40%. Bên cạnh đó, việc hoàn thuế giá trị gia tăng đối với các đoàn làm phim nước ngoài không phải là chính sách mới mà chỉ là mở rộng đối tượng áp dụng của chính sách hoàn thuế VAT với người nước ngoài sử dụng dịch vụ, hàng hóa trong thời gian lưu trú tại Việt Nam đang được quy định tại khoản 5 Điều 15 Luật Thuế giá trị gia tăng.
--	---	---

		Vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật về thuế, tránh xảy ra vướng mắc, khó khăn, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch không quy định các nội dung về thuế tại các Điều trên tại dự thảo Luật và thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành. Trường hợp cần thiết bổ sung chính sách ưu đãi thuế nhập khẩu đối với hoạt động phục vụ sản xuất, sáng tạo nội dung, đề nghị cơ quan soạn thảo có ý kiến đề xuất gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trong quá trình xây dựng Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (sửa đổi) thời gian tới để đảm bảo tính thống nhất theo Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 5035/TB-TTKQH ngày 20/3/2025[9] và Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống Thuế đến năm 2030[10]. 8. Về công trình hạ tầng công nghiệp văn hóa (Điều 22 dự thảo Luật) Tại khoản 7 Điều 22 quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi liên quan đến khai thác, sử dụng công trình hạ tầng công nghiệp văn hóa; tuy nhiên, dự thảo Luật chưa rõ ưu đãi cụ thể liên quan đến pháp luật nào, và cũng không giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Do đó, Bộ Tài chính chưa có cơ sở để tham gia cụ thể về nội dung này. 9. Về thành lập, mở rộng tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa (Điều 23 dự thảo Luật) Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, chỉnh sửa điểm b khoản 1 nhằm đơn giản hóa việc đánh giá sự phù hợp của việc thành lập, mở rộng tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá với quy hoạch như sau: <i>“Điều 23. Thành lập, mở rộng tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá</i>	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp ý kiến góp ý. Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉnh sửa tại điểm b khoản 1 Điều 23 dự thảo Luật.
--	--	--	--

		<i>1. Điều kiện thành lập, mở rộng tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa: ... b) Phù hợp với định hướng, mục tiêu của quy hoạch ngành quốc gia hoặc quy hoạch vùng hoặc quy hoạch tỉnh và quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch chi tiết ngành có liên quan quy hoạch sử dụng đất của địa phương;”</i> 10. Về công nhận khu vực đã hình thành là tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá (Điều 24 dự thảo Luật) Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, chỉnh sửa điểm a khoản 1 Điều 24 dự thảo Luật nhằm đảm bảo sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch như sau: <i>“Điều 24. Công nhận khu vực đã hình thành là tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá</i> <i>1. Khu vực đã hình thành có hoạt động công nghiệp văn hóa được xem xét công nhận là tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa khi: a) Phù hợp với định hướng, mục tiêu của quy hoạch ngành quốc gia có liên quan đến tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa hoặc quy hoạch vùng và hoặc quy hoạch tỉnh;”</i> 11. Về cơ chế tổ chức hoạt động, sự kiện trong tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa (Điều 25 dự thảo Luật) Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát các quy định tại khoản 6 Điều 25 bảo đảm thống nhất với pháp luật về đất đai, quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật có liên quan, nhất là đối với việc sử dụng đất đai, mặt bằng, tài sản công và áp dụng giá ưu đãi; bảo đảm việc quản lý, sử dụng nguồn lực nhà nước đúng quy định, công khai, minh bạch và hiệu quả. 12. Về đánh giá hiệu quả đối với hạ tầng công nghiệp văn hóa (Điều 26 dự thảo Luật) Tại khoản 2 và khoản 3 Điều 26 quy định về sử dụng kết quả đánh giá hiệu quả và khoản 4 giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Tại dự thảo Luật chưa có quy định về phương pháp, nội dung, tiêu chí đánh	Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉnh sửa tại điểm b khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 23 dự thảo Luật. Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã rà soát Điều 24 dự thảo Luật, bảo đảm thống nhất với pháp luật về đất đai, quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật có liên quan, nhất là đối với việc sử dụng đất đai, mặt bằng, tài sản công và áp dụng giá ưu đãi; bảo đảm việc quản lý, sử dụng nguồn lực nhà nước đúng quy định, công khai, minh bạch và hiệu quả. Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉnh sửa tại Điều 25 dự thảo Luật. Cụ thể, khoản 1 Điều 25 đã bổ sung 04 nhóm tiêu chí đánh giá hiệu quả (về công suất, kinh tế, xã hội, hệ sinh thái).
--	--	--	--

		giá... để đánh giá hiệu quả đối với hạ tầng công nghiệp văn hóa và hồ sơ dự thảo Luật chưa có dự thảo Nghị định hướng dẫn kèm theo. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu bổ sung các nội dung nêu trên tại dự thảo Luật, làm cơ sở để Chính phủ quy định chi tiết. 13. Về sử dụng không gian công cộng cho hoạt động công nghiệp văn hóa (Điều 27 dự thảo Luật) Tại khoản 2 Điều 27 dự thảo Luật quy định: “2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về hoạt động biểu diễn nghệ thuật đường phố trên địa bàn và việc miễn, giảm giá dịch vụ sử dụng không gian công cộng cho hoạt động công nghiệp văn hóa.” Theo quy định tại Luật Giá và các văn bản hướng dẫn “sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa”, “dịch vụ sử dụng không gian công cộng cho hoạt động công nghiệp văn hóa” không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, kê khai giá, bình ổn giá. Đồng thời, tại Luật Giá và các văn bản hướng dẫn cũng không quy định cơ chế “giảm giá”, “trợ giá” đối với sản phẩm, hàng hóa nói chung, hiện nay việc hỗ trợ được thực hiện thông qua các cơ chế khác như thuế, phí, ưu đãi đầu tư... Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo thuyết minh cơ sở pháp lý của việc đề xuất cơ chế “giảm giá” tại khoản 2 Điều 27 nêu trên. Tương tự, đề nghị thuyết minh cơ sở của việc đề xuất cơ chế này với hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm công nghiệp văn hóa tại khoản 2 Điều 36 dự thảo Luật.	Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã bỏ cụm từ “giảm giá dịch vụ” trái quy định Luật Giá tại khoản 5 Điều 26 quy định: “Giá, phí sử dụng không gian công cộng thực hiện theo quy định của pháp luật về giá, phí, tài sản công và pháp luật có liên quan.” Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉnh lý tại Điều 35 dự thảo Luật như sau: “3. Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích tiêu dùng sản phẩm công nghiệp văn hóa thông qua các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, bao gồm hỗ trợ một phần chi phí hoặc giá trị thanh toán cho đối tượng thụ hưởng khi sử dụng sản phẩm công nghiệp văn hóa thuộc phạm vi được hỗ trợ. Việc hỗ trợ không làm thay đổi giá bán sản phẩm do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết
--	--	--	---

		14. Về sản giao dịch quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm công nghiệp văn hoá (Điều 35 dự thảo Luật) Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cân nhắc quy định liên quan đến giao dịch sản phẩm công nghiệp hóa, tài sản trí tuệ đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 và Nghị quyết 05/2025/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ về triển khai thí điểm thị trường giao dịch tài sản mã hóa tại Việt Nam. Tài sản số trong ngành công nghiệp văn hóa, sản phẩm công nghiệp văn hóa được phát hành dưới dạng token không thể thay thế (NFT) hoặc các hình thức dữ liệu số khác, được tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao và xác thực bằng công nghệ số theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ năm 2025, khi giao dịch phải được thực hiện qua sản giao dịch tài sản mã hóa được Bộ Tài chính cấp phép, bảo đảm thống nhất với quy định pháp luật về tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa, hạn chế chồng chéo trong quản lý sản giao dịch tài sản số, tài sản mã hóa. 15. Về xúc tiến xuất khẩu sản phẩm công nghiệp văn hóa (Điều 37 dự thảo Luật) a) Tại khoản 1, đề nghị sửa cụm từ “sản phẩm công nghiệp” thành “sản phẩm công nghiệp văn hóa” để thống nhất với tên Điều và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật. b) Tại khoản 3, đề nghị không quy định cụm từ “Chương trình xúc tiến đầu tư” do Điều này quy định về hoạt động xúc tiến xuất khẩu sản phẩm công nghiệp văn hóa, không phải hoạt động xúc tiến đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư. 16. Về tài chính cho phát triển công nghiệp văn hóa (Điều 38, Điều 39 và Điều 40 dự thảo Luật) a) Điều 38: Nghị quyết số 80/NQ-TW, Nghị quyết số 79/NQ-TW, pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp..	định và thực hiện theo quy định của pháp luật.” Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thể hiện tại khoản 4 Điều 33 Dự thảo Luật. Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 36 dự thảo Luật. Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉnh sửa tại Điều 36 dự thảo Luật.
--	--	---	---

		đều quy định theo hướng Nhà nước đóng vai trò kiến tạo thể chế[11] và doanh nghiệp đóng vai trò sáng tạo, sản xuất, phân phối, cạnh tranh chủ động đầu tư vốn, chịu rủi ro và tìm kiếm mô hình kinh doanh tối ưu nhất; NSNN là vốn môi để thu hút các nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa. Tuy nhiên, cơ bản các nội dung tại Điều này quy định tài chính cho phát triển công nghiệp văn hóa từ nguồn NSNN, trong khi nguồn lực từ doanh nghiệp, các nguồn huy động xã hội hóa chưa được thể hiện rõ. Việc liệt kê chi tiết các nguồn vốn NSNN cũng dẫn đến chưa bao quát hết các lĩnh vực (ví dụ Chương IV dự thảo Luật quy định hoạt động phát triển nguồn nhân lực văn hóa, trong đó có giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, đại học,...). Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát quy định tại Điều 38 bảo đảm theo đúng chủ trương tại Nghị quyết số 80/NQ-TW, Nghị quyết số 79/NQ-TW, pháp luật về NSNN, pháp luật đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp,... Trên cơ sở đó, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa lại nguồn NSNN theo hướng quy định chung: “Nguồn NSNN theo quy định pháp luật về NSNN” đồng thời tích hợp nội dung Điều 40 dự thảo Luật vào Điều 38 để bảo đảm bao quát các nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp văn hóa; không quy định tại dự thảo Luật nội dung khoản 2 Điều 38 “Chính phủ quy định nội dung chi, lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn tài chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; hướng dẫn sử dụng các nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp văn hoá quy định tại khoản 1 Điều này” do đối với nguồn NSNN đã có các quy định cụ thể tại Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn; đối với các nguồn vốn của doanh nghiệp, nguồn xã hội hóa thực hiện theo pháp luật liên quan. b) Điều 39: Đề nghị không quy định tại dự thảo Luật nội dung Điều 39 “Tài chính cho phát triển công nghiệp văn hoá từ các quỹ do cơ quan nhà nước thành lập”, lý do: (i) Không làm rõ “quỹ do cơ quan nhà nước thành lập” là quỹ gì, mô hình tổ chức hoạt động; (ii) trường hợp là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đề nghị thực hiện đúng theo Nghị	Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉnh lý Điều 37 theo hướng quy định khái quát nguồn ngân sách nhà nước theo pháp luật về ngân sách nhà nước, không phân chia lại các nhiệm vụ chi đã được pháp luật ngân sách điều chỉnh; đồng thời bỏ nội dung giao Chính phủ hướng dẫn chung việc quản lý, sử dụng các nguồn tài chính thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật chuyên ngành tương ứng. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã rà soát các quy định về quỹ do cơ quan nhà nước thành lập và xác định nguồn tài chính tại Điều này được lấy từ Quỹ phát triển du lịch theo quy định của Luật Du lịch, Quỹ hỗ trợ phát triển
--	--	--	--

		quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 26/2026/QH16 của Quốc hội; (iii) trường hợp thành lập quỹ nhưng lại do NSNN cấp thì bản chất là nhiệm vụ chi của NSNN đã có quy định chung, cấp trực tiếp cho đơn vị thực hiện, không cấp thông qua quỹ. 17. Về cơ chế đồng đầu tư phát triển công nghiệp văn hóa (Điều 41 dự thảo Luật) a) Hiện nay, hoạt động đầu tư tại Việt Nam được thực hiện theo Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Quản lý và đầu tư vốn của nhà nước tại doanh nghiệp. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát “<i>Cơ chế đồng đầu tư phát triển công nghiệp văn hoá</i>” để thực hiện theo quy định tại các Luật trên. Trường hợp đây là chính sách mới, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần đề xuất cụ thể tại dự thảo Luật này, trong đó xác định rõ chủ thể được giao đại diện Nhà nước thực hiện đầu tư, nguồn vốn sử dụng, tỷ lệ tối đa và thẩm quyền quyết định phần vốn nhà nước; tiêu chí, phương thức lựa chọn và định giá dự án; cơ chế quản lý, giám sát, thu hồi và thoái vốn; cũng như giới hạn rủi ro và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quyết định đầu tư. Đây là những nội dung cốt lõi cần được cụ thể hóa ngay tại Luật để bảo đảm cơ sở pháp lý vững chắc và kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng ngân sách, vốn nhà nước. a) Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm rõ mối quan hệ giữa nguyên tắc chia sẻ rủi ro quy định tại khoản 2 và nguyên tắc bảo toàn, phát triển vốn quy định tại khoản 5 trong trường hợp dự án phát sinh rủi ro, thua lỗ trong quá trình thực hiện; bảo đảm thống nhất với pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước và phù hợp với cơ chế đồng đầu tư c) Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, thuyết minh làm rõ phạm vi, nội hàm, xác định rõ pháp luật áp dụng đối với các nội dung cơ quan nhà nước có thể thực hiện đồng đầu tư tại khoản 4 Điều 41 dự	điện ảnh theo quy định của Luật Điện ảnh. Theo đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã sửa đổi, bổ sung Điều 71 Luật Du lịch, Điều 43 Luật Điện ảnh để bổ sung nhiệm vụ chi vào các quỹ này để có cơ chế bảo đảm thực hiện quy định này. Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã bỏ cơ chế đồng đầu tư tại dự thảo Luật.
--	--	---	--

		thảo Luật; làm rõ “khu vực tư nhân” có bao gồm nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hay không, trường hợp có bao gồm, việc tham gia đồng đầu tư phải tuân thủ điều kiện tiếp cận thị trường và thủ tục áp dụng tương ứng đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Luật Đầu tư. 18. Về hỗ trợ, ưu đãi đầu tư đối với tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa (Điều 43 dự thảo Luật) Tại khoản 6 Điều 43 quy định hỗ trợ, ưu đãi đầu tư: <i>“Đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, vận hành danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa, công trình văn hóa, bảo tàng trong tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù, được giữ lại khoản thu phí, lệ phí và các nguồn thu hợp pháp khác để chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, bảo tồn, tu tạo, số hóa, khai thác và phát triển công trình văn hóa”</i>. Luật NSNN quy định thu NSNN bao gồm: a) Toàn bộ các khoản thu từ thuế, lệ phí và các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện; b) Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp NSNN theo quy định của pháp luật;... Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí; trong đó quy định nguyên tắc thu phí đối với ĐVSNCL. Vì vậy, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát các hoạt động cung cấp dịch vụ, bảo tồn, tu tạo, số hóa, khai thác và phát triển công trình văn hóa:	Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã bỏ quy định về giữ lại khoản thu phí, lệ phí và các nguồn thu hợp pháp khác để chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, bảo tồn, tu tạo, số hóa, khai thác và phát triển công trình văn hóa tại dự thảo Luật.
--	--	--	--

Trường hợp công trình văn hóa là tài sản công áp dụng theo chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị (và tài sản kết cấu hạ tầng (trong đó có tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa) đã giao cho cơ quan nhà nước, ĐVSNCL quản lý, sử dụng theo chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, ĐVSNCL trước ngày Nghị định số 178/2026/NĐ-CP ngày 20/5/2026 của Chính phủ có hiệu lực thi hành (ngày 06/7/2026) mà không điều chỉnh sang chế độ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 78/2026/NĐ-CP), số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản công, khai thác tài sản công, sau khi chi trả các chi phí hợp lý có liên quan, trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có), thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước[12] phần còn lại ĐVSNCL được quản lý, sử dụng theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL.

Trường hợp công trình văn hóa là tài sản kết cấu hạ tầng (không thuộc tài sản công nêu trên): (i) Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là phí, lệ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, pháp luật về NSNN và pháp luật có liên quan; (ii) Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là tiền thu từ giá dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng và các khoản thu khác được quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ quan, đơn vị quản lý tài sản; (iii) Đối với số tiền thu được từ chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (bao gồm cả số tiền chậm nộp (nếu có)), sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào NSNN. Ngoài ra, tại điểm đ khoản 1 Điều 16 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP quy định: “đ) Trường hợp pháp luật chuyên ngành về hạ tầng có quy định phương thức khai thác khác (ngoài các phương thức quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này) thì việc khai thác tài sản KCHT (gồm cả việc quản lý, sử dụng số tiền thu

	<i>được) được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về hạ tầng đó.”</i> Do đó, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện theo các quy định hiện hành, trường hợp lĩnh vực công nghiệp văn hóa có đặc thù, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo rõ những đặc thù này và đề xuất cơ chế cụ thể để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. 19. Về hỗ trợ, ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa (Điều 44 dự thảo Luật) Tại khoản 2 Điều 44 quy định ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa tiếp cận các chương trình hỗ trợ về tín dụng, bảo lãnh tín dụng, quỹ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, Dự thảo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sửa đổi) hiện không còn quy định về Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát không dẫn chiếu đến Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại cụm từ “quỹ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo” tại khoản này do chưa rõ nội hàm và hiện nay chưa có quy định pháp lý cụ thể về “quỹ hỗ trợ khởi nghiệp”. 20. Về hỗ trợ, ưu đãi đầu tư đối với sản xuất, cung cấp sản phẩm công nghiệp văn hóa (Điều 45 dự thảo Luật) Khoản 1 và khoản 2 Điều 45 bổ sung hoạt động “sản xuất, cung cấp sản phẩm công nghiệp văn hóa” vào ngành nghề ưu đãi đầu tư và hoạt động “sản xuất tài sản trí tuệ gốc trọng điểm, sản phẩm công nghiệp văn hóa trọng điểm” vào ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư. Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư được quy định tại Phụ lục II Nghị định số 96/2026/NĐ-CP.	Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã bỏ dẫn chiếu Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tại dự thảo Luật. Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã bỏ quy định về “quỹ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo” tại dự thảo Luật. Về ý kiến này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xin giải trình như sau: Điều 44 của dự thảo Luật xác định một số dự án công nghiệp văn hóa thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư hoặc đặc biệt ưu đãi đầu tư nhằm thể chế hóa chính sách đặc thù cho phát triển công nghiệp văn hóa. Đây là nội dung chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội và không nhằm tạo một hệ thống ưu đãi đầu
--	--	---

		Trường hợp cần bổ sung ngành, nghề cụ thể, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục theo quy định của pháp luật về đầu tư, không quy định tại dự thảo Luật này. 21. Về dự án đầu tư nước ngoài ưu tiên thu hút trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa (Điều 46 dự thảo Luật) a) Tại khoản 1, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉnh sửa như sau: “Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư ưu tiên thu hút trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường theo quy định của pháp luật về đầu tư”. b) Tại khoản 2, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thay cụm từ “doanh nghiệp nước ngoài thực hiện dự án” bằng “nhà đầu tư nước ngoài thực hiện dự án” để thống nhất với thuật ngữ quy định tại khoản 19 Điều 3 Luật Đầu tư. 22. Về hỗ trợ, ưu đãi đối với dự án đầu tư nước ngoài ưu tiên thu hút trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa (Điều 47 dự thảo Luật) a) Đề nghị không quy định tại dự thảo Luật các đối tượng hoặc mức ưu đãi đầu tư ngoài khung pháp luật hiện hành để tránh làm phân tán, chồng chéo và phá vỡ tổng thể chính sách đầu tư do quy định hiện hành đã quy định đầy đủ đối tượng và mức ưu đãi đầu tư[13] và ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt[14].	tư tách rời pháp luật về đầu tư. Mức, thời hạn, điều kiện và trình tự hưởng ưu đãi vẫn được thực hiện theo pháp luật tương ứng; đồng thời Điều 51 của dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan của Luật Đầu tư để bảo đảm cơ sở áp dụng thống nhất. Do đó, Bộ xin giữ Điều 44 như dự thảo Luật. Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 45 dự thảo Luật. Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉnh sửa tại Điều 45 dự thảo Luật. Tiếp thu ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 45 dự thảo Luật quy định “Nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường theo quy định của pháp luật về đầu tư”, bảo đảm phù hợp với pháp luật hiện hành; và quy định các tiêu chí, điều kiện ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với đặc thù của lĩnh vực công nghiệp văn hóa, không làm phát sinh đối tượng hoặc mức ưu đãi đầu tư mới. Để thống nhất với chính sách đầu tư hiện hành, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh sửa một số khoản tại Điều 15 Luật Đầu tư số
--	--	--	--

		b) Điểm b khoản 2 Điều 47 dự thảo Luật quy định “<i>miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp đối với hoạt động văn hóa</i>”. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân hiện xác định thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập chịu thuế. Đồng thời, pháp luật về thuế hiện phân biệt thu nhập từ chuyển nhượng vốn; chuyển nhượng chứng khoán. Quy định tại dự thảo Luật quy định chính sách thuế ưu đãi hơn quy định tại các Luật về thuế. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch không quy định các chính sách này tại dự thảo Luật. Trường hợp cần có ưu đãi hơn đối với lĩnh vực này, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất, gửi Bộ Tài chính để nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền sửa các Luật về thuế cho phù hợp. c) Khoản 4 Điều 47 dự thảo Luật quy định: “<i>4. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam, tổ chức sự kiện công nghiệp văn hóa có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam có quy mô đáp ứng tiêu chí được hỗ trợ một lần chi phí sản xuất thực tế phát sinh tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ.</i>” Theo Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, mọi khoản chi từ NSNN phải được xây dựng, lập dự toán và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm rõ khoản hỗ trợ này được bố trí từ nguồn nào và quy trình phê duyệt khoản hỗ trợ này, đồng thời làm rõ các tiêu chí được hưởng cơ chế hỗ trợ nêu trên.	143/2025/QH15, điểm b, điểm e khoản 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp bảo đảm các doanh nghiệp hoạt động công nghiệp văn hóa được hưởng các ưu đãi về thuế theo đúng chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã bỏ quy định này tại Điều 45 dự thảo Luật. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã bỏ quy định này tại Điều 48 dự thảo Luật.
--	--	---	--

		23. Về quản lý nhà nước về công nghiệp văn hóa (Điều 49 dự thảo Luật) Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bỏ cụm từ “quy hoạch” tại khoản 1 Điều 49 để phù hợp với pháp luật về quy hoạch do Danh mục quy hoạch ngành và quy hoạch chi tiết ngành tại Phụ lục ban hành kèm theo Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025 không có ngành phát triển công nghiệp văn hóa. Tương tự, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bỏ cụm từ “quy hoạch” tại tên Điều 52 và bỏ khoản 2 Điều 52 dự thảo Luật. 24. Về trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ (Điều 53 dự thảo Luật) a) Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, loại bỏ các quy định giao nhiệm vụ cụ thể cho các bộ tại dự thảo Luật nhằm tuân thủ nguyên tắc Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực, đồng thời đảm bảo thẩm quyền của Chính phủ trong việc phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các bộ, cơ quan ngang bộ. b) Tại khoản 2 Điều 53 dự thảo Luật quy định “<i>2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các quy định về ưu đãi thuế, chi ngân sách nhà nước, đầu tư công, tín dụng đầu tư của Nhà nước cho phát triển công nghiệp văn hóa theo quy định của Luật này.</i>” Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch không giao Bộ Tài chính chủ trì nhiệm vụ tại này theo ý kiến tham gia tại điểm 2.1 khoản 2 công văn. 25. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan (Điều 58 dự thảo Luật) Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch không quy định khoản 4 Điều 58 tại dự thảo Luật do: Các nội dung này thuộc thẩm quyền xử lý của Chính phủ (Nghị định); không thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 49 dự thảo Luật như sau “Xây dựng, ban hành, tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án và chính sách phát triển công nghiệp văn hóa; tổ chức phát triển, bố trí không gian, quỹ đất cho các cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa trong các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch”, bỏ Điều 52. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã rà soát, bỏ các quy định giao nhiệm vụ cụ thể cho các bộ tại dự thảo Luật. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã bỏ quy định về sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý, sử dụng tài sản công tại dự thảo Luật.
--	--	---	--

hội (Luật). Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính; trong đó đã quy định các nội dung: (i) Về việc cho thuê nhà, đất là tài sản công giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương với các quy định đặc thù về đơn giá, tiền cho thuê nhà, thời hạn cho thuê nhà, các phương thức xác định người được quyền thuê nhà...; (ii) Chuyển đổi công năng các cơ sở nhà, đất dôi dư sang mục đích công cộng (vườn hoa, sân chơi, công trình phục vụ cộng đồng khác)... Như vậy, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành đã có quy định về việc cho thuê, chuyển đổi công năng nhà, đất, công trình thuộc sở hữu nhà nước chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hiệu quả để phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa và quy định về giữ lại nguồn thu từ cho thuê, chuyển đổi công năng tài sản công./.

[1] Theo quy định tại khoản 21 Điều 3 dự thảo Luật: Tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hoá là tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và đối tượng quyền sở hữu trí tuệ khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

[2] Tại khoản 16 Điều 4 Luật Giá năm 2023 quy định: “16. *Thẩm định giá là hoạt động tư vấn xác định giá trị của tài sản thẩm định giá tại một địa điểm, thời điểm, phục vụ cho mục đích nhất định do doanh nghiệp thẩm định giá, hội đồng thẩm định giá thực hiện theo Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam.*”

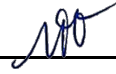
[3] Tại Điều 40 Luật Giá năm 2023 quy định:

“Điều 40. *Hoạt động thẩm định giá*

1. *Hoạt động thẩm định giá bao gồm hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá và hoạt động thẩm định giá của Nhà nước.*

2. *Hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện, được giao kết bằng hợp đồng dân sự; hoạt động thẩm định giá*

		<i>của Nhà nước do hội đồng thẩm định giá thực hiện theo quyết định của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền quy định tại Điều 59 của Luật này.”;</i> [4] Tại khoản 4 Điều 55 Luật Giá năm 2023 quy định: “4. Chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được sử dụng làm một trong những cơ sở để khách hàng, tổ chức, cá nhân có liên quan được ghi tại hợp đồng thẩm định giá xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá của tài sản. Chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá chỉ có giá trị sử dụng trong thời hạn hiệu lực theo đúng mục đích thẩm định giá gắn với đúng thông tin tài sản, số lượng tài sản tại hợp đồng thẩm định giá.” [5] Tại điểm b khoản 4 văn bản số 1734-CV/VPTW ngày 13/4/2026 của Văn phòng Trung ương thông báo chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Nghị quyết số 57-NQ/TW [6] Tại khoản 4 Mục IV Thông báo số 712/TB-VPCP ngày 21/12/2025 của Văn phòng Chính phủ Kết luận Hội nghị sơ kết 01 năm triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính, 04 năm triển khai Đề án 06 [7] Tại điểm b mục 9 Phụ lục của Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 6/5/2026 của Chính phủ [8] Khoản 3 Điều 14 quy định: Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Hỗ trợ tín dụng; Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin; Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển;... [9] Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 5035/TB-TTKQH ngày 20/3/2025: “Về các quy định ưu đãi thuế, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất nguyên tắc ưu đãi thuế cần được quy định trong văn bản pháp luật về thuế; không lồng ghép các chính sách ưu đãi thuế trong luật chuyên ngành để đảm bảo tính tổng thể, nhất quán của hệ thống pháp luật” [10] Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống Thuế đến năm 2030 quy định: “Các chính sách thuế, phí và lệ phí (gọi chung là thuế) chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật về thuế và được hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính nhất quán về hiệu lực pháp lý giữa các luật thuế và các văn bản pháp luật có liên quan.”	
--	--	---	--

		[11] Thực thi quyền sở hữu trí tuệ để bảo vệ tài sản sáng tạo của doanh nghiệp; ban hành các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng và quỹ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; xây dựng hạ tầng văn hóa công cộng và quảng bá thương hiệu quốc gia ra quốc tế. [12] Theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 52 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP thì đơn vị SNCL thuộc lĩnh vực văn hóa không phải nộp NSNN khoản tiền tối thiểu bằng 2% doanh thu đơn vị SNCL thu được từ hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết quy định tại điểm b khoản 4 Điều 52 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP. [13] Điều 14 và Điều 15 Luật Đầu tư đã quy định thống nhất về đối tượng, nguyên tắc và hình thức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; mức ưu đãi cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai. [14] Điều 17 Luật Đầu tư, Điều 21 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP và Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg đã quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện, tiêu chí, mức và thời hạn áp dụng.	
--	--	---	---

Danh sách các bộ, ngành có ý kiến góp ý

1. Bộ Dân tộc và Tôn giáo
2. Bộ Xây dựng
3. Bộ Quốc phòng
4. Bộ Khoa học và Công nghệ
5. Bộ Công Thương
6. Bộ Nông nghiệp và Môi trường
7. Bộ Nội vụ; Ban Thi đua khen thưởng Trung ương
8. Bộ Ngoại giao
9. Bộ Y tế
10. Bộ Công an
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo
12. Bộ Tài chính
13. Ngân hàng Nhà nước
14. Thanh tra Chính phủ.